



**BẢN TIN THÔNG BÁO, DẠY BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐIỀU KHIỂN**

THÁNG 8 NĂM 2020

VÙNG BẮC TRUNG BỘ

HÀ NỘI, THÁNG 9/2020

M C L C

I. Di n bi n tài nguyên n c d i t vùng B c Trung B	3
I.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	3
I.1.1. Khu v c phía B c vùng B c Trung B	3
I.1.2. Khu v c phía Nam vùng B c Trung B	7
I.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp).....	11
I.2.1. Khu v c phía B c vùng B c Trung B	11
I.2.2. Khu v c phía Nam vùng B c Trung B	15
II. Chi ti t di n bi n và d báo m c n c các t nh.....	20
II.1. T nh Thanh Hóa	20
II.1.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	20
II.1.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	21
II.2. T nh Ngh An.....	23
II.2.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	23
II.2.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	25
II.3. T nh Hà T nh	28
II.3.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	28
II.3.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	29
II.4. T nh Qu ng Bình.....	31
II.4.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	31
II.4.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	33
II.5. T nh Qu ng Tr	34
II.5.1 T ng ch a n c Holocene (qh).....	34
II.5.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	35
II.6. T nh Th a Thiên Hu	37
II.6.1. T ng ch a n c Holocene (qh).....	37
II.6.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)	38

Vùng Bắc Trung Bộ có đã có 46 công trình quan trắc tài nguyên nước xây dựng và đưa vào vận hành từ tháng 10 năm 2011 tại Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Năm 2017, Trung tâm Quy hoạch và kiểm tra tài nguyên nước quốc gia đã thi công và đưa vào vận hành 121 công trình quan trắc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế nhằm hoàn thiện mạng lưới quan trắc phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước cho các vùng Bắc Trung Bộ.

Trong báo cáo tài nguyên nước tháng chúng tôi tiến hành đánh giá biến động mực nước dưới đất tháng hiện tại so với tháng trước và cùng kỳ năm trước của các tầng chứa nước chính Holocene (qh) và Pleistocene (qp) trên toàn vùng quan trắc. Riêng các biến động tài nguyên nước của tháng 8 so với cùng kỳ năm trước chúng tôi đánh giá trên 2 tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh do đã có nguồn tài liệu quan trắc từ năm 2011.

Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất, biến động tài nguyên nước dưới đất được phân tích và đánh giá để báo cáo cho tháng 9 và tháng 10 năm 2020. Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Biến động tài nguyên nước dưới đất vùng Bắc Trung Bộ

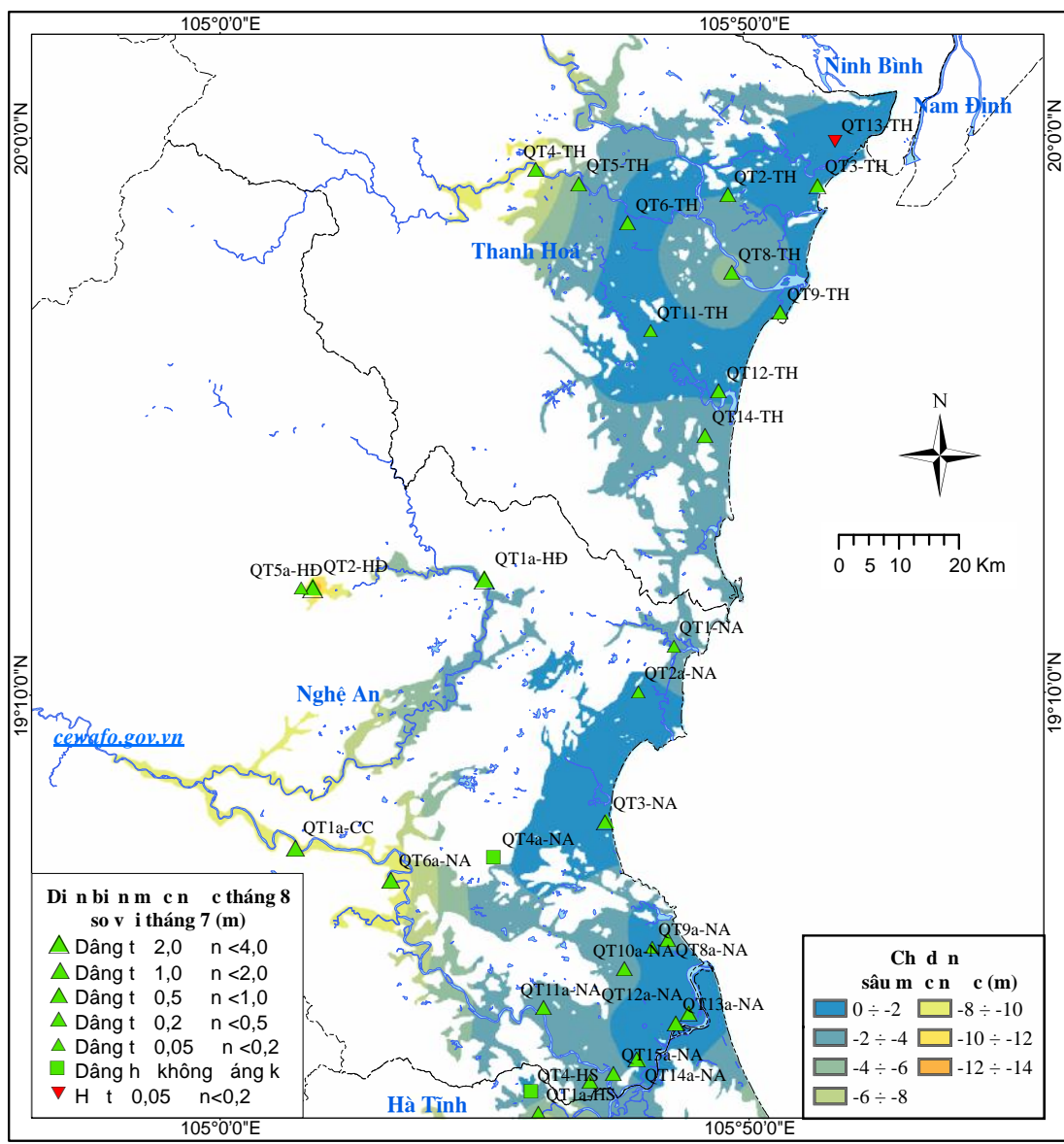
I.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

I.1.1. Khu vực phía Bắc vùng Bắc Trung Bộ

Biến động mực nước dưới đất trung bình tháng 8 có xu hướng dâng so với tháng 7, với 27/29 công trình có mực nước dâng, 1/29 công trình có mực nước dâng và 1/29 công trình mực nước dâng nhưng không đáng kể (xem hình 1). Giá trị dâng cao nhất là 2,81m tại xã Quang Phong, huyện Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (QT1a-HĐ) và thấp nhất là 0,13m tại xã Nga Hoàng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (QT13-TH).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,82m xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (QT11-TH) và sâu nhất là -12,10m tại xã Châu Quang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (QT2-HĐ).

Biến động mực nước dưới đất trung bình tháng 8 so với cùng thời điểm năm trước có xu hướng dâng và 5 năm trước có xu hướng hạ, chi tiết được thể hiện chi tiết trong bảng 1, 2 và hình 2, 3. Mực nước suy giảm nhất so với cùng kỳ năm trước và 5 năm trước là 1,02m tại xã Quang Phong, huyện Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (QT1a-HĐ) và 0,91m tại xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (QT4-TH).

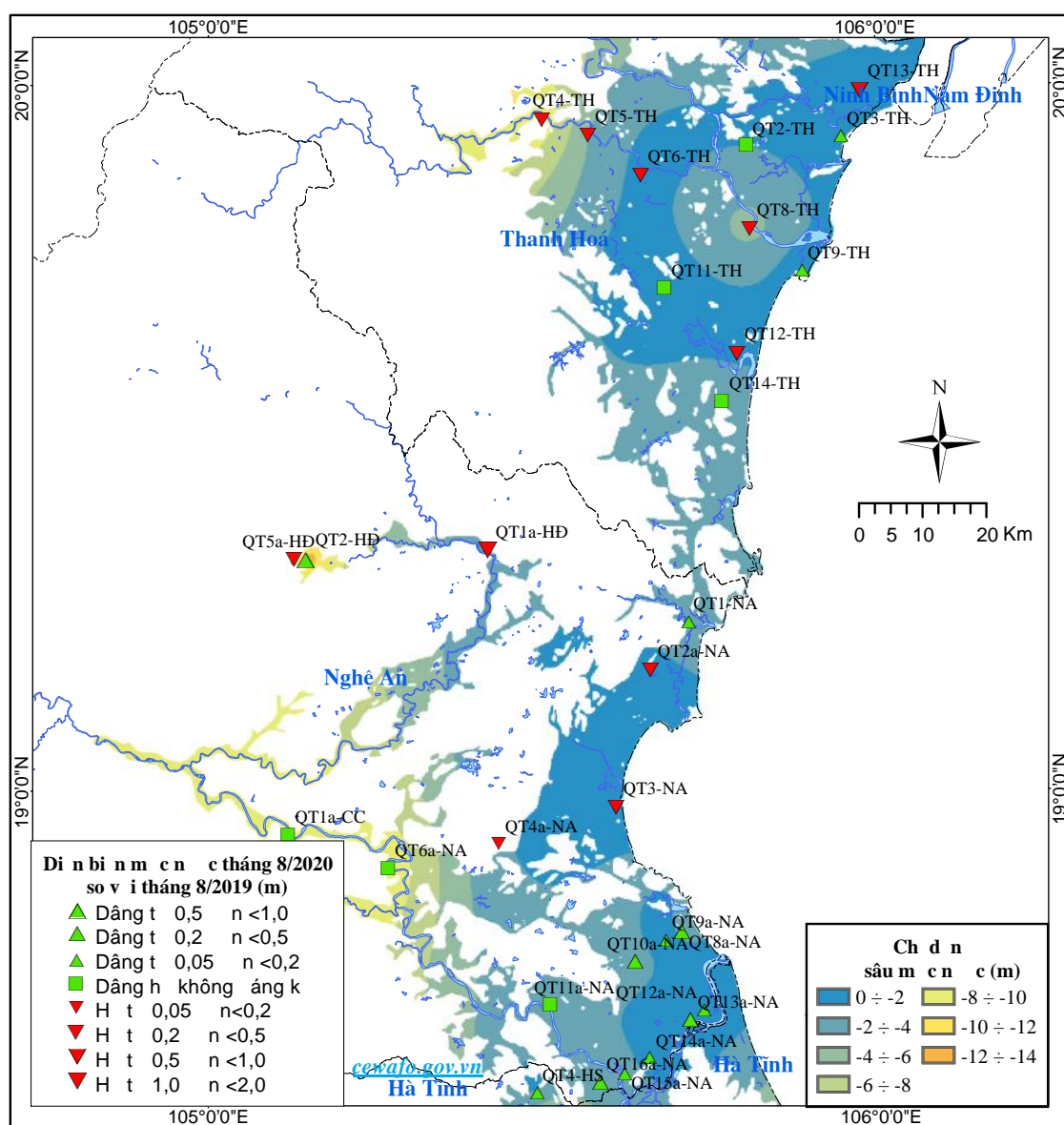


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tại các thị trấn
 Bảng 1. Mực nước TB tháng các thị trấn qua các thị trấn

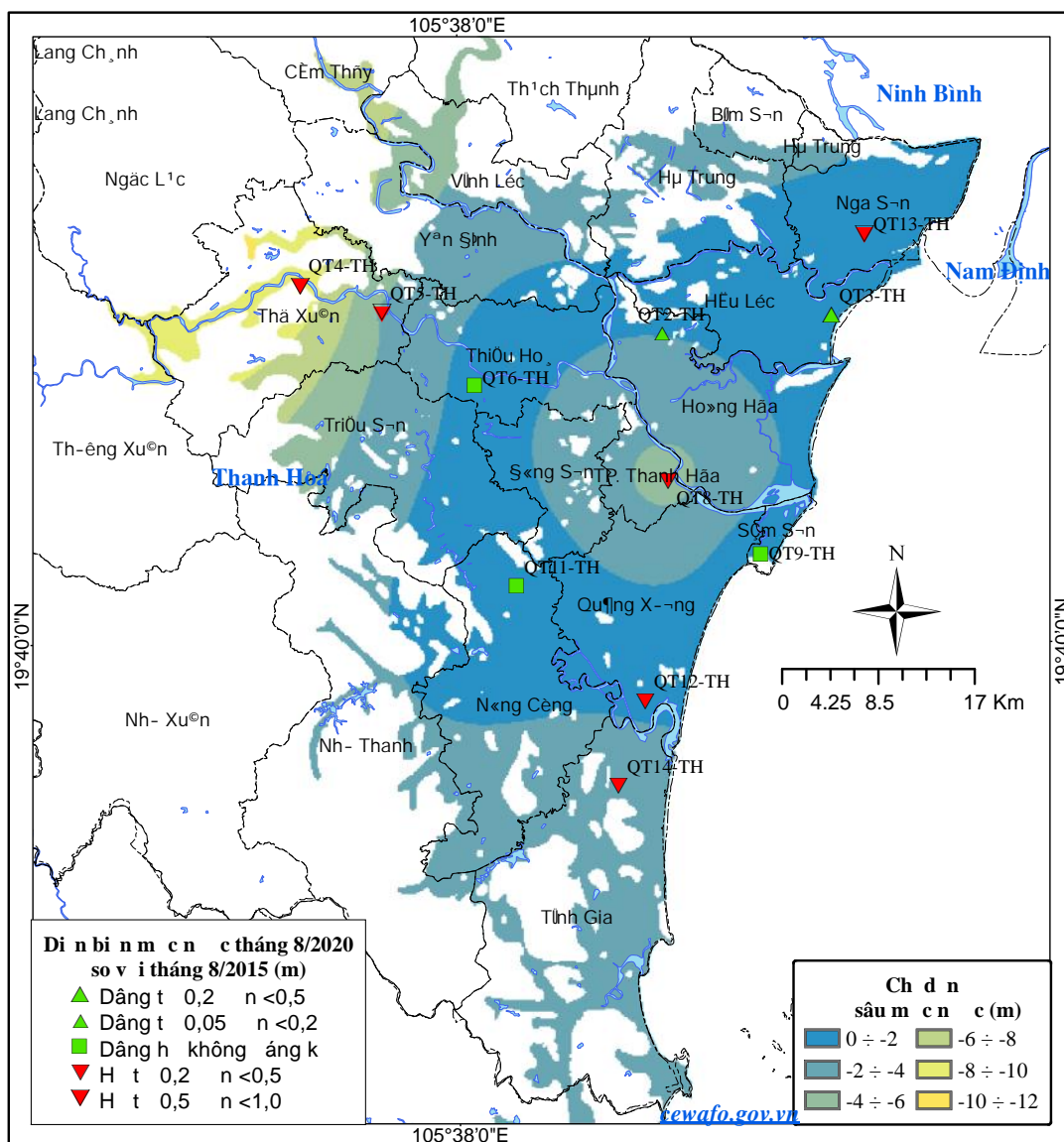
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 8	-12,10	xã Châu Quang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (QT2-HĐ)	-0,82	xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (QT11-TH)
1 năm trước (2019)	-13,08	xã Châu Quang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (QT2-HĐ)	-0,83	xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (QT11-TH)
5 năm trước (2015)	-8,05	xã Xuân Hòa, huyện Thanh Xuân, tỉnh Thanh Hóa (QT4-TH)	-0,77	xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (QT11-TH)

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước lũ qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Dâng	1,02	xã Quang Phong, huyện Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (QT1a-HĐ)	0,98	xã Châu Quang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (QT2-HĐ)
5 năm trước (2015)	Hạ	0,91	xã Xuân Hòa, huyện Thanh Xuân, tỉnh Thanh Hóa (QT4-TH)	0,22	xã Minh Lộc, huyện Hương Lộc, tỉnh Thanh Hóa (QT3-TH)

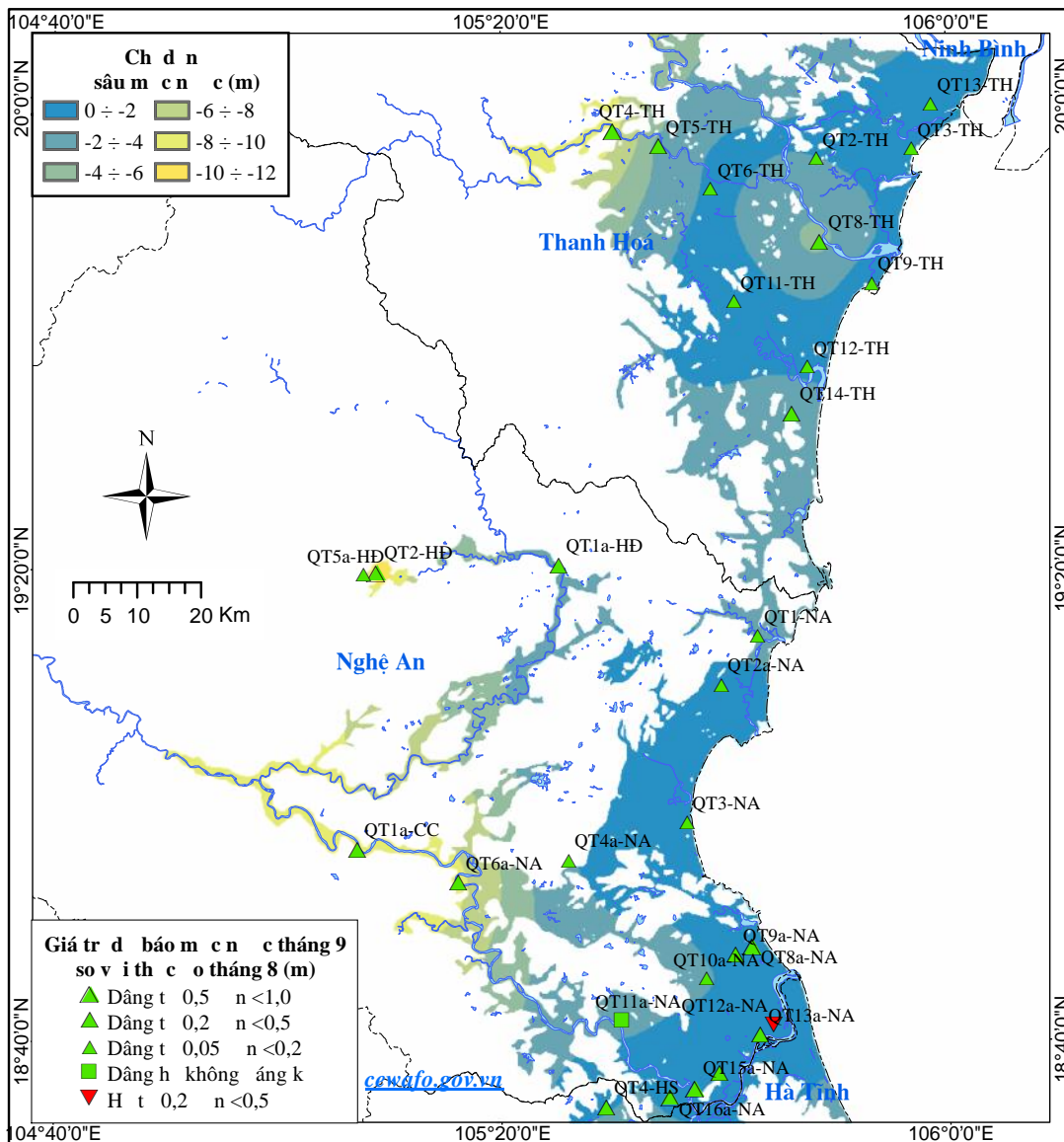


Hình 2. Sự biến đổi mực nước lũ tháng 8 so với cùng kỳ năm trước



Hình 3. Sự di n bi n m c n c tháng 8 so v i cùng k 5 n m tr c

D báo: Di n bi n m c n c đ i t tháng 9 có xu th dâng so v i m c n c th c o tháng 8 v i 27/29 công trình m c n c dâng, 1/29 công trình m c n c dâng h không áng k và 1/29 công trình m c n c h . M c n c dâng t 0,5 n 1,0m t p trung các khu v c huy n H ng Nguyên, Nam àn, Tx. C a Lò, t nh Ngh An (xem hình 4).

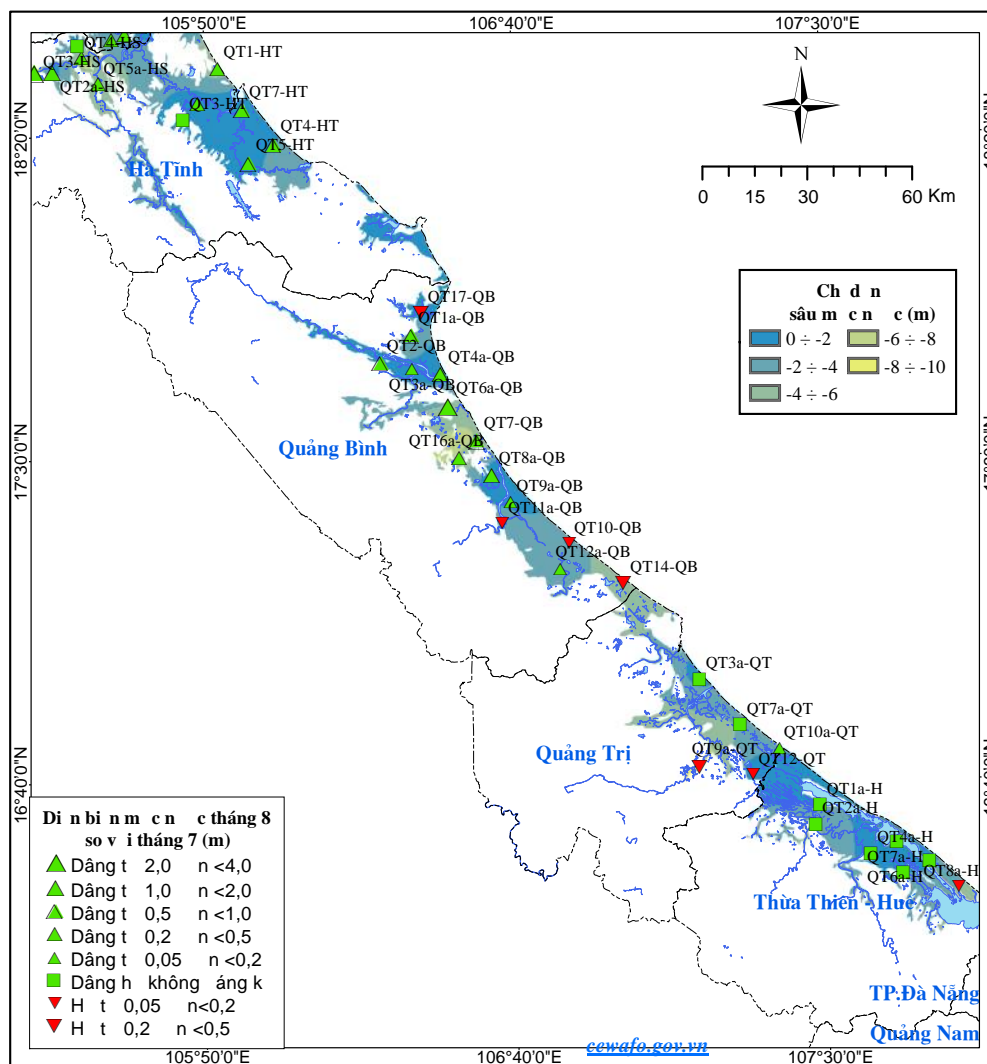


Hình 4. Sự biến động mực nước các trạm quan trắc

1.1.2. Khu vực phía Nam vùng Bắc Trung Bộ

Diện tích biến động mực nước trung bình tháng 8 có xu hướng dâng so với tháng 7, với 20/37 công trình có mực nước dâng, 10/37 công trình có mực nước hạ và 7/37 công trình có mực nước dâng không đáng kể (xem hình 5). Giá trị dâng cao nhất là 2,48m tại xã Phú Trách, huyện Bắc Trách, tỉnh Quảng Bình (QT6a-QB) và hạ thấp nhất là 0,45m tại xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (QT17-QB).

Trong tháng 8: mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,47m tại xã Thạch Nh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (QT7-HT) và sâu nhất là -7,94m tại xã Hí L, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (QT9a-QT).



Hình 5. Sự biến động mực nước biển tháng 8 tại các vị trí

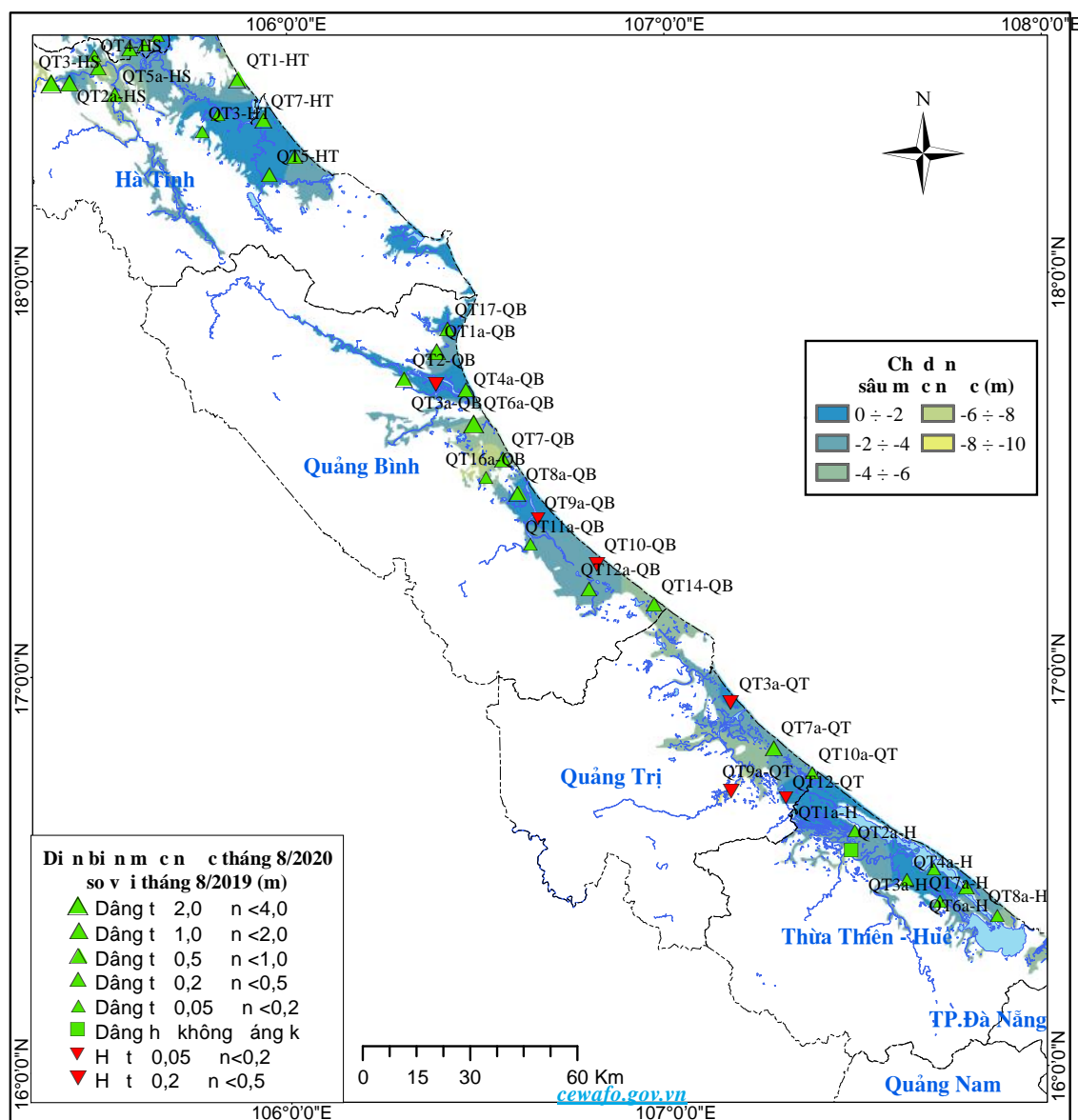
Diễn biến mực nước biển trung bình tháng 8 so với cùng thời điểm năm trước và 5 năm trước có xu hướng dâng, chỉ tiêu mực nước biển năm trước trong bảng 3, 4 và hình 6, 7. Mực nước suy giảm lần lượt so với cùng kỳ năm trước và 5 năm trước lần lượt là 0,36m tại xã Ngã Thụ, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (QT10-QB).

Bảng 3. Mực nước TB tháng các trạm qua các thời kỳ

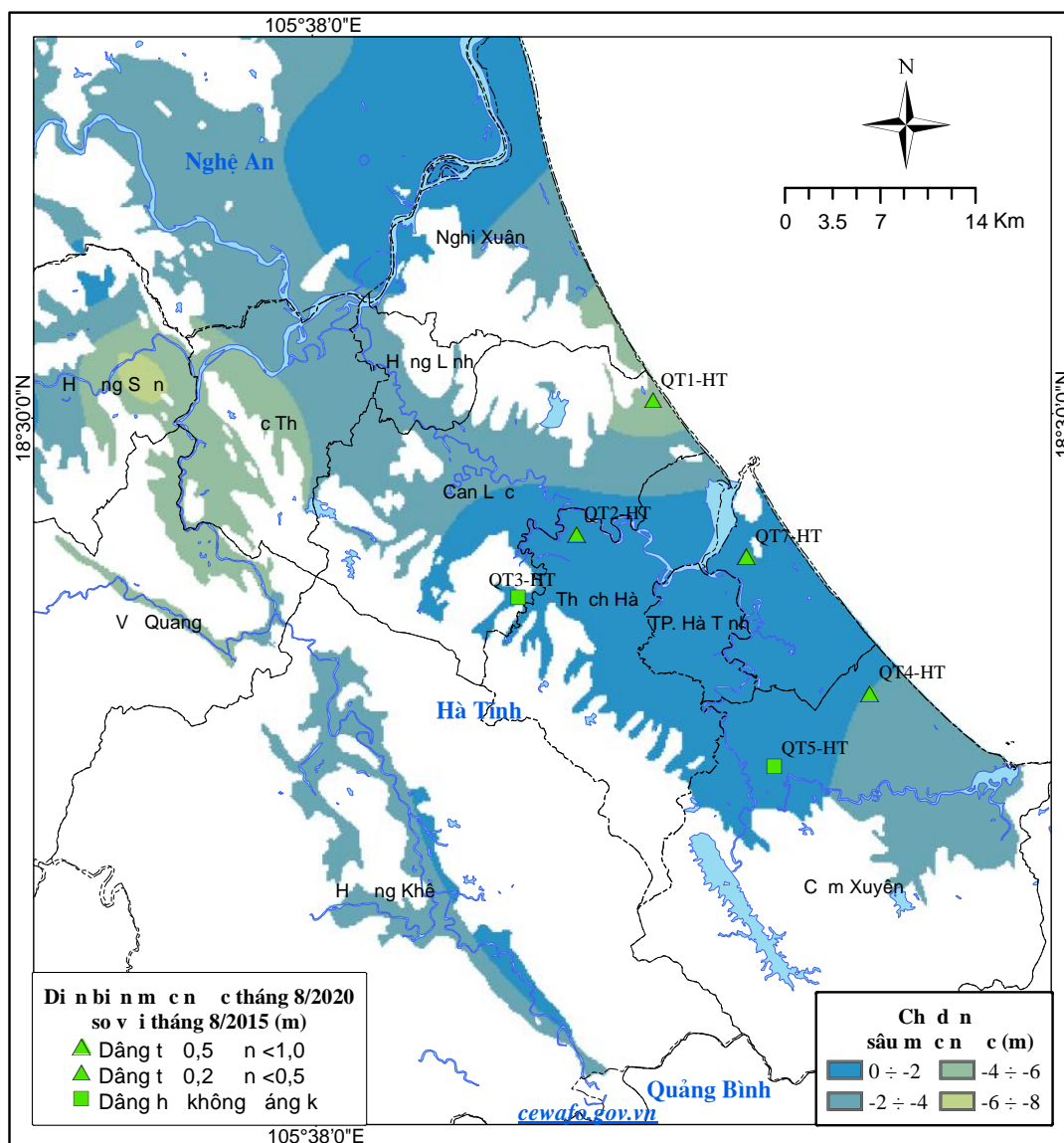
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 8	-7,94	xã Hải Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (QT9a-QT)	-0,47	xã Thạch Nhâm, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (QT7-HT)
1 năm trước (2019)	-9,20	xã Sơn Diêm, huyện Hồng Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (QT3-HS)	-0,92	xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (QT3a-H)
5 năm trước (2015)	-5,37	xã Thạch Lạc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Hà Tĩnh (QT1-HT)	-0,90	xã Sơn Lạc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh (QT3-HT)

Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Dâng	0,36	xã Ng Th y B c, huyện L Th y, tỉnh Quảng Bình (QT10-QB)	2,89	xã Phú Tr ch, huyện B Tr ch, tỉnh Quảng Bình (QT6a-QB)
5 năm trước (2015)	Dâng	-	-	0,71	xã Th ch nh, huyện Th ch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (QT7-HT)

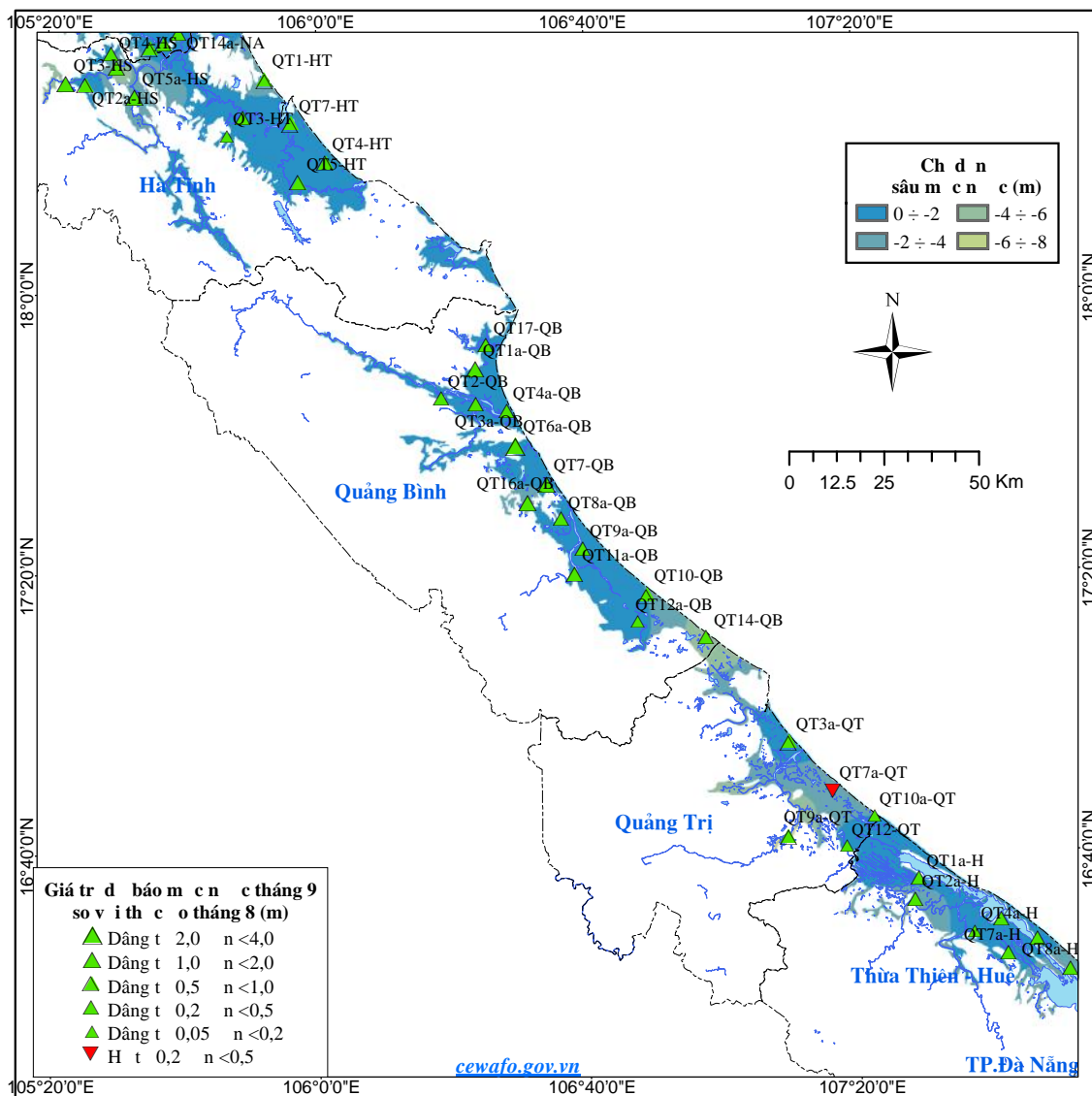


Hình 6. S di n b n m c n c tháng 8 so v i k n m tr c t ng qh



Hình 7. S di n bi n m c n c tháng 8 so v i k 5 n m tr c t ng qh

D báo: Di n bi n m c n c đ i t tháng 9 có xu th dâng so v i m c n c th c o tháng 8 v i 36/37 công trình m c n c dâng, 1/37 công trình m c n c h . M c n c dâng t 0,5m n 1,0m t p trung các khu v c huy n H ng S n, Th ch Hà (t nh Hà T nh); huy n Gio Linh, Tri u Phong (t nh Qu ng Tr); huy n L Th y, Qu ng Ninh (t nh Qu ng Bình) và dâng > 1,0m t p trung các huy n H ng S n (t nh Hà T nh); huy n Qu ng Tr ch, B Tr ch (t nh Qu ng Bình) (xem hình 8).



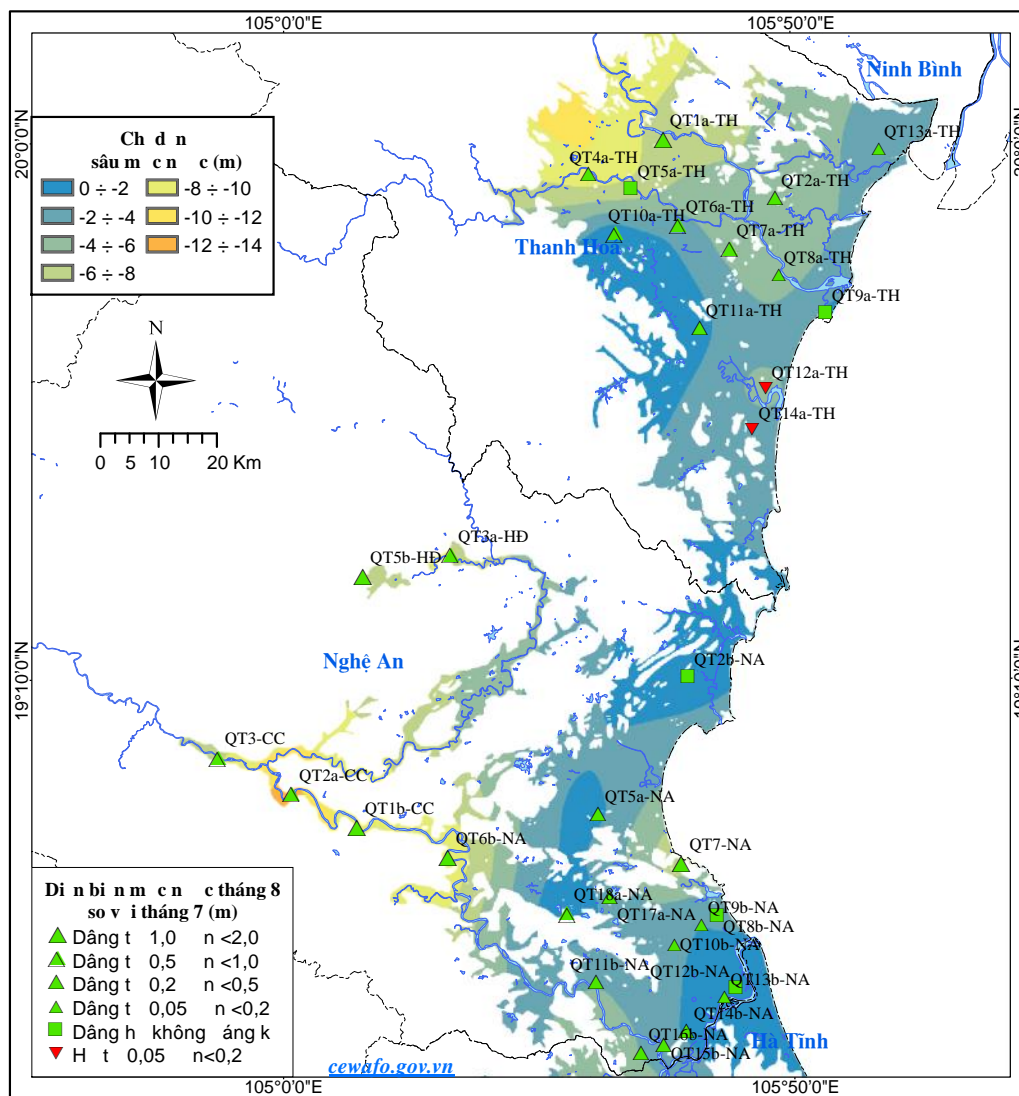
Hình 8. S d báo di n bi n m c n c t ng qh

I.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)

I.2.1. Khu v c phía B c vùng B c Trung B

Di n bi n m c n c đ i t trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7 v i 26/33 công trình có m c n c dâng, 5/33 công trình có m c n c dâng h không áng k và 2/33 công trình có m c n c h (xem hình 9). Giá tr dâng cao nh t là 1,12m xã Châu Quang, huy n Qu H p, t nh Ngh An (QT5b-HĐ) và h th p nh t là 0,16m t i xã Qu ng Chính, huy n Qu ng X ng, t nh Thanh Hóa (QT12a-TH).

Trong tháng 8: m c n c trung bình tháng nông nh t là -0,86m t i xã H ng Hòa, TP.Vinh, t nh Ngh An (QT12b-NA) và sâu nh t là -12,50m xã Hùng S n, huy n Anh S n, t nh Ngh An (QT2a-CC).



Hình 9. S di n bi n m c n c tháng 8 t ng q p

Đi n bi n m c n c đ i t trung bình tháng 8 so v i cùng th i i m l n m và 5 n m tr c có xu th h , c th hi n chi ti t trong b ng 5, 6 và hình 10, 11. M c n c suy gi m l n nh t so v i cùng k n m tr c và 5 n m tr c l n l t là 1,17m và 1,55m t i xã Qu ng Chính, huy n Qu ng X ng, t nh Thanh Hóa (QT12a-TH) và xã Qu ng Chính, huy n Qu ng X ng, t nh Thanh Hóa (QT12a-TH).

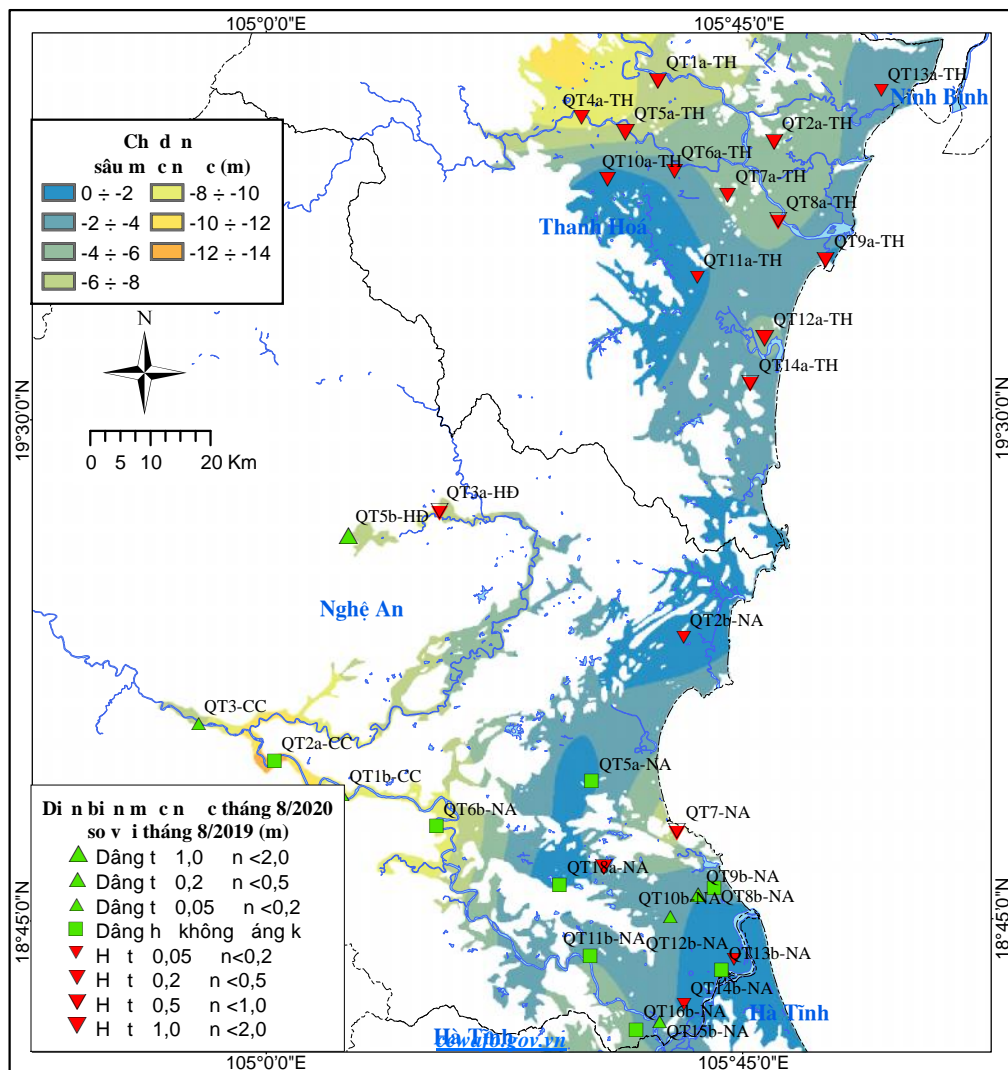
Bảng 5. M c n c TB tháng c c tr qua các th i k

Th i gian	M c n c TB tháng sâ m nh t		M c n c TB tháng nông nh t	
	Giá tr (m)	a i m	Giá tr (m)	a i m
Tháng 8	-12,50	xã Hùng S n, huy n Anh S n, t nh Ngh An (QT2a-CC)	-0,86	xã H ng Hòa, TP.Vinh, t nh Ngh An (QT12b-NA)
l n m tr c (2019)	-12,52	xã Hùng S n, huy n Anh S n, t nh Ngh An (QT2a-CC)	-0,66	xã H ng Hòa, TP.Vinh, t nh Ngh An (QT12b-NA)

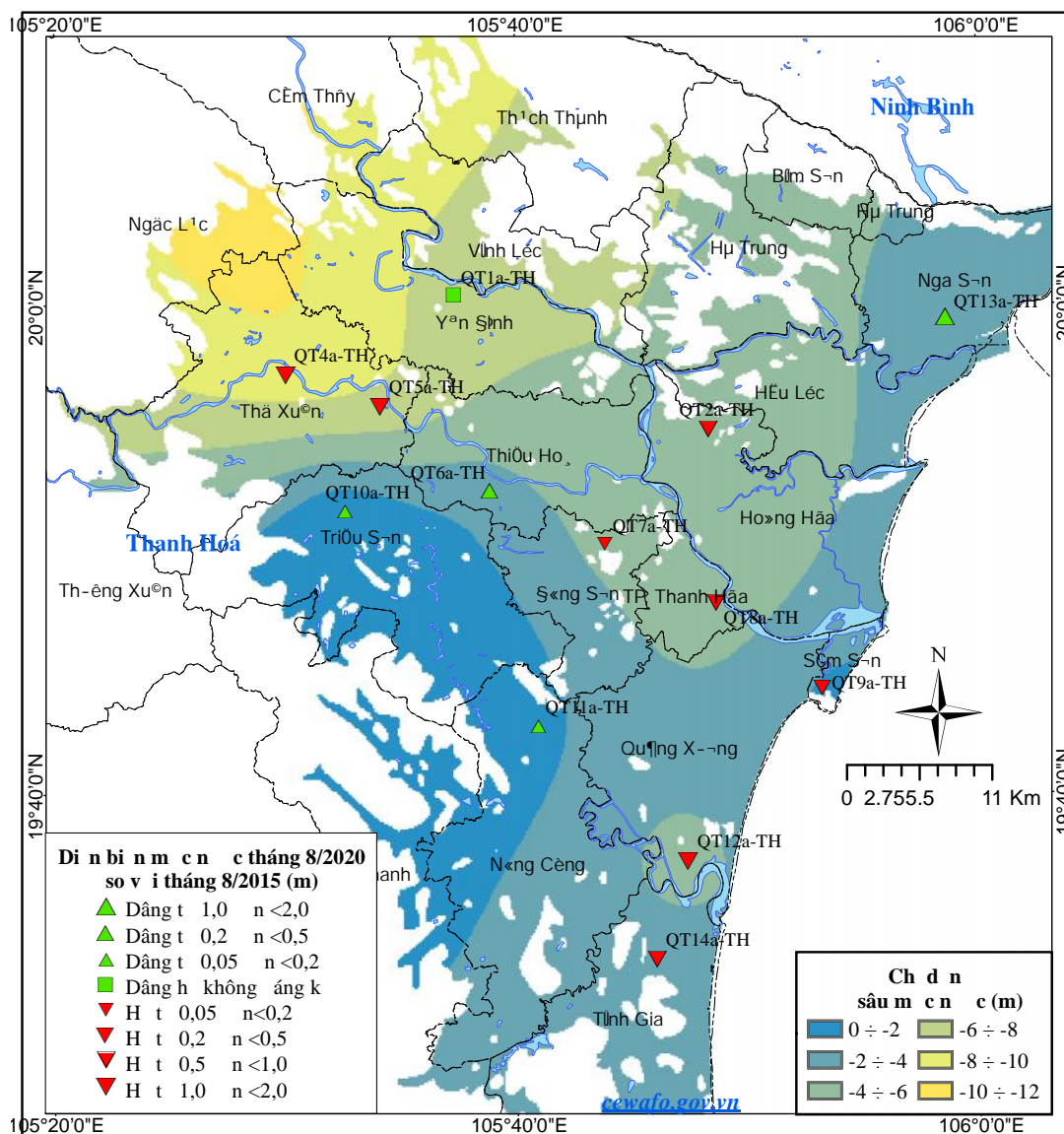
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
5 năm trước (2015)	-8,01	xã Xuân Hòa, huyện Thanh Xuân, tỉnh Thanh Hóa (QT4a-TH)	-1,10	xã Thôn Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (QT10a-TH)

Bảng 6. Giá trị dâng, hạ mức nước qua các thời kỳ

Thời gian	Xu hướng chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	H	1,17	xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (QT12a-TH)	1,31	xã Châu Quang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (QT5b-HĐ)
5 năm trước (2015)	H	1,55	xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (QT12a-TH)	1,36	xã Nga Hoàng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (QT13a-TH)

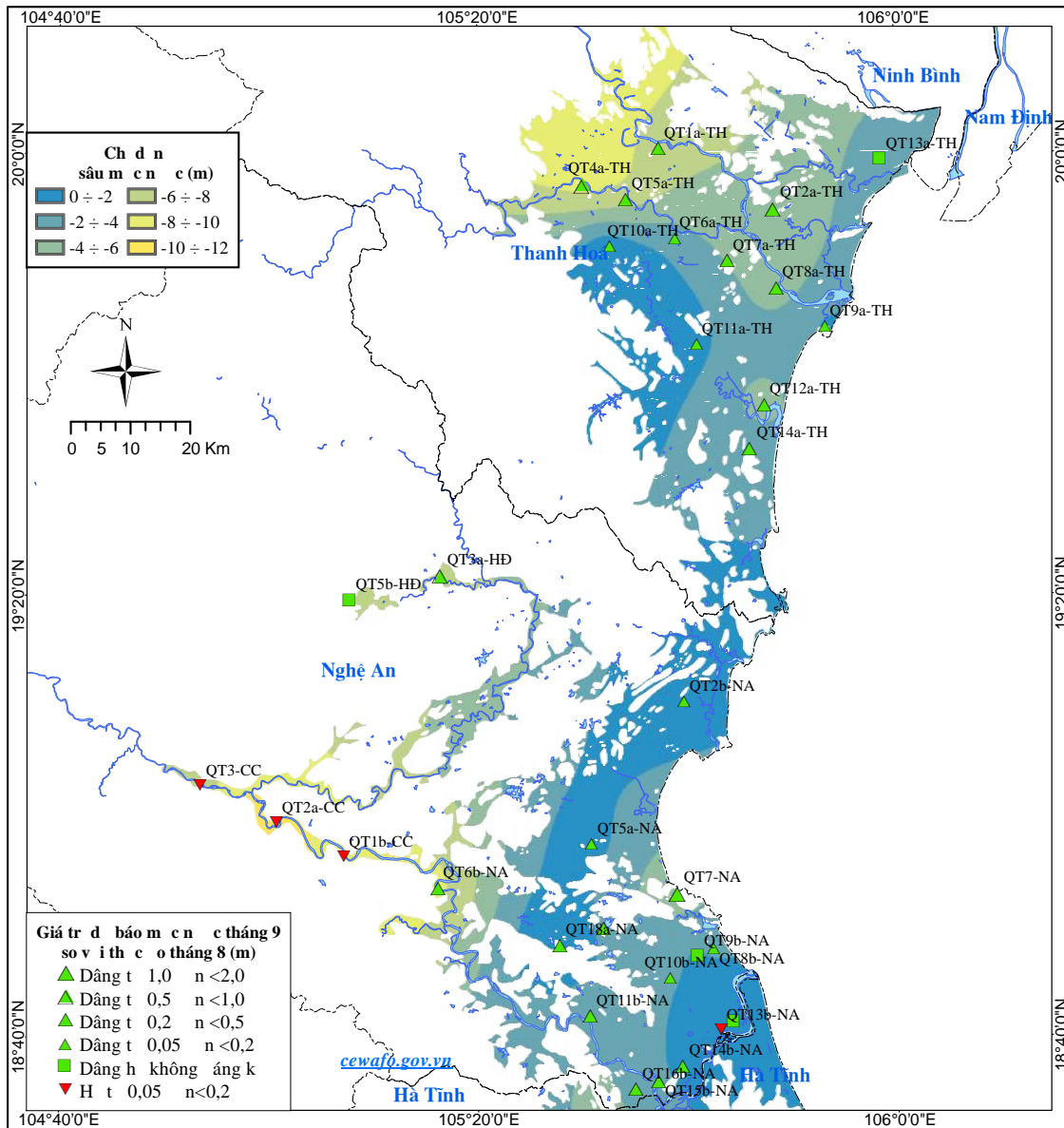


Hình 10. Điểm biến đổi nước đi t trung bình tháng 8 so với cùng kỳ năm trước



Hình 11. Di n bi n m c n c d i t trung bình tháng 8 so v i cùng k 5 n m tr c

D báo: Di n bi n m c n c d i t tháng 9 có xu th dâng so v i m c n c th c o tháng 8 v i 25/33 công trình m c n c dâng, 4/33 công trình m c n c dâng h không áng k và 4/33 công trình m c n c h . M c n c dâng t 0,5 n 1,0m phân b khu v c huy n Th Xuân, Hoàng Hóa (t nh Thanh Hóa); huy n Anh S n, Qu H p (t nh Ngh An) và m c n c dâng >1,0m t p trung khu v c huy n Nghi L c, t nh Ngh An (xem hình 12).

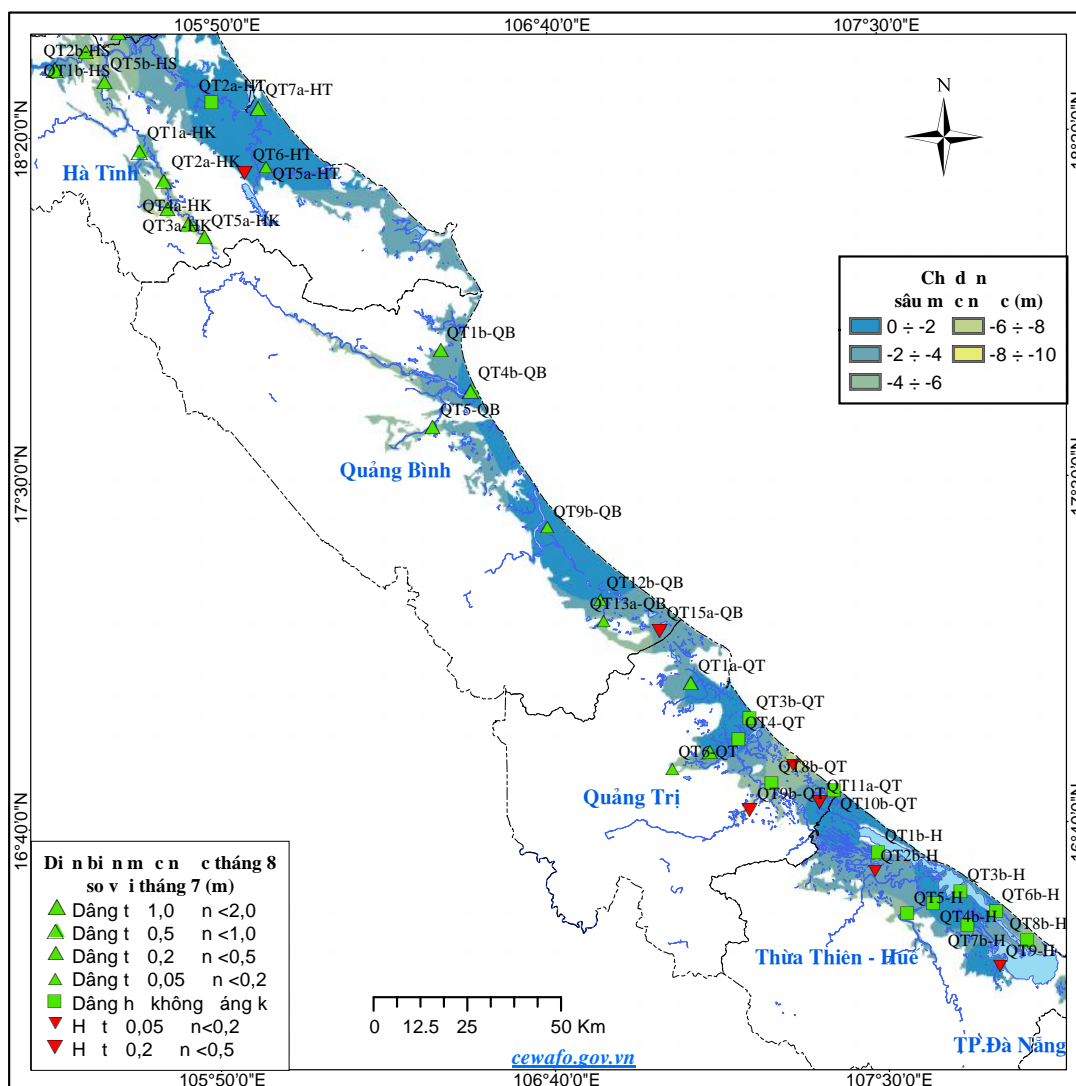


Hình 12. S đ báo di n bi n m c n c t ng q p

1.2.2. Khu v c phía Nam vùng B c Trung B

Di n bi n m c n c đ i t trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7, v i 19/38 công trình có m c n c dâng, 11/38 công trình có m c n c dâng h không áng k và 7/38 công trình có m c n c h (xem hình 13). Giá tr dâng cao nh t là 1,89m t i TT.Ph Châu, huy n H ng S n, t nh Hà T nh (QT2b-HS) và h th p nh t là 0,33m t i xã H i L , huy n Tri u Phong, t nh Qu ng Tr (QT9b-QT).

Trong tháng 8: m c n c trung bình tháng nông nh t là -0,22m t i xã Phú Xuân, huy n Phú Vang, t nh Th a Thiên Hu (QT3b-H) và sâu nh t là -7,89m t i xã H i L , huy n Tri u Phong, t nh Qu ng Tr (QT9b-QT).



Hình 13. Sự biến đổi mực nước biển tháng 8 tại vùng ven biển

Di biến động mực nước biển trung bình tháng 8 so với cùng thời điểm năm trước và 5 năm trước có xu hướng dâng, chi tiết thể hiện chi tiết trong bảng 7, 8 và hình 14, 15. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước và 5 năm trước là 0,72m tại xã Thái Xá, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Bình (QT13a-QB) và 0,11m tại xã Phong Phú, huyện Hoàng Khê, tỉnh Hà Tĩnh (QT3a-HK).

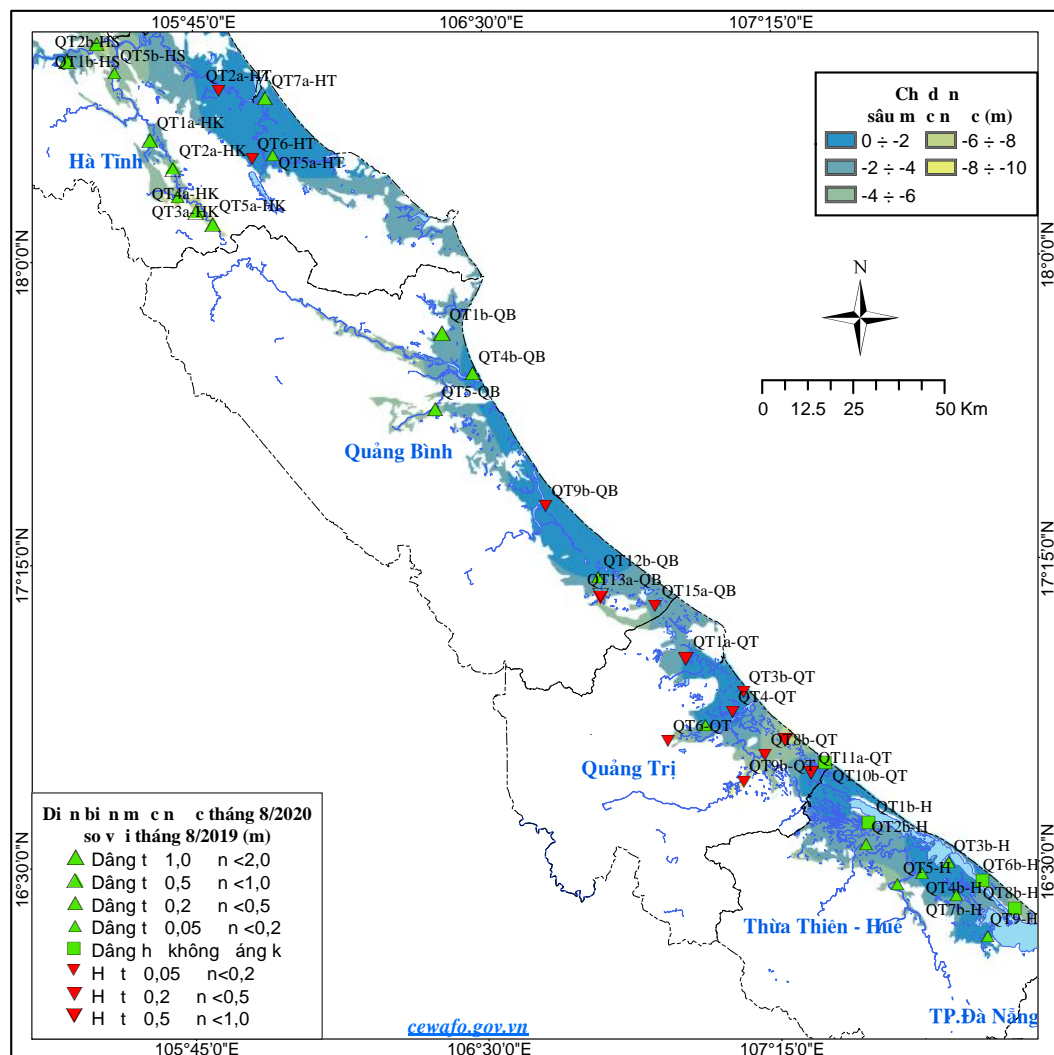
Bảng 7. Mực nước TB tháng các trạm qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nước		Mực nước TB tháng nông nước	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 8	-7,89	xã Hải Lý, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (QT9b-QT)	-0,22	xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (QT3b-H)
1 năm trước (2019)	-8,66	xã Phúc Trạch, huyện Hoàng Khê, tỉnh Hà Tĩnh (QT4a-HK)	-0,33	xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (QT3b-H)

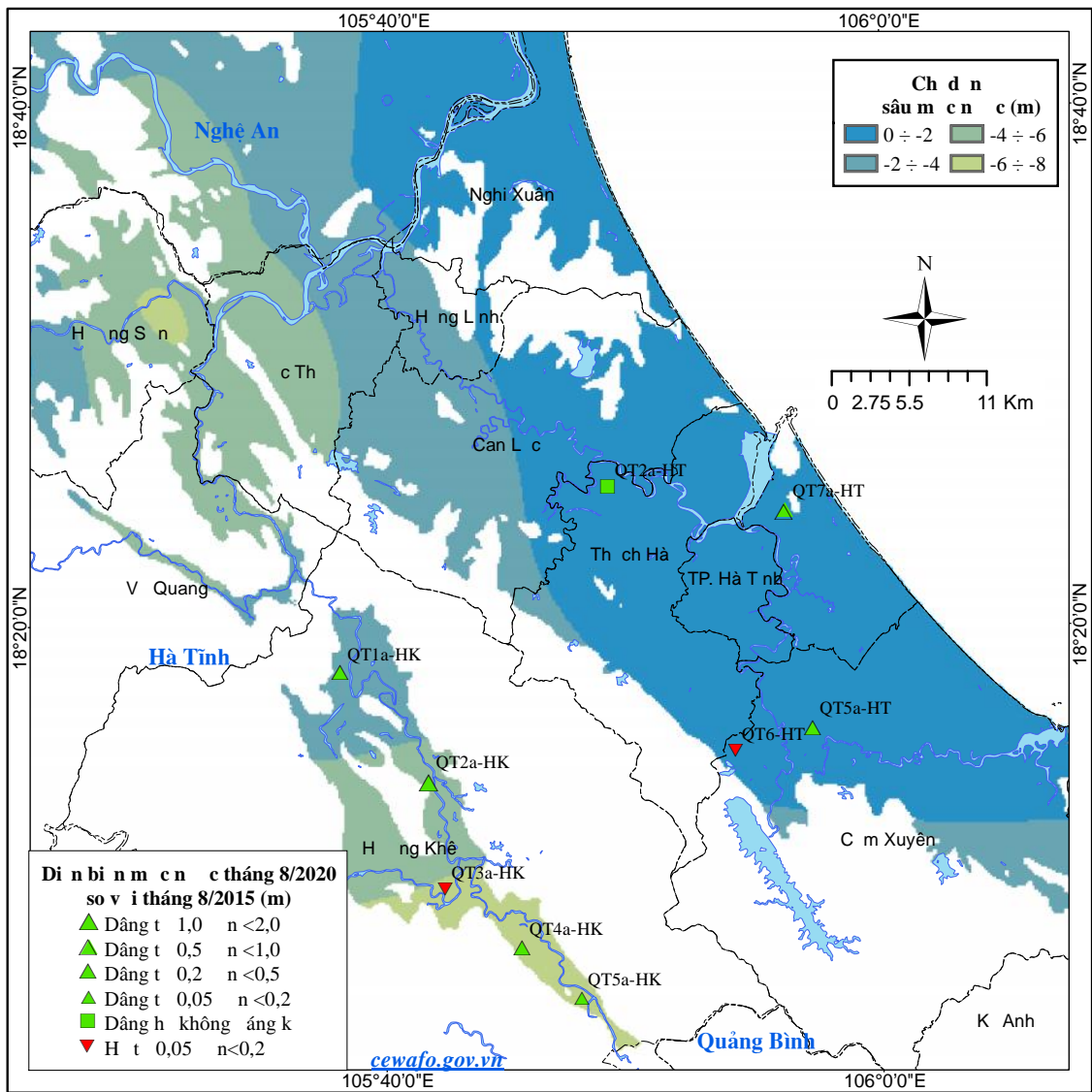
Th i gian	M c n c TB tháng sâu nh t		M c n c TB tháng nông nh t	
	Giá tr (m)	a i m	Giá tr (m)	a i m
5 n m tr c (2015)	-8,09	xã Phúc Tr ch, huy n H ng Khê, t nh Hà T nh (QT4a-HK)	-1,09	xã C m Th ch, huy n C m Xuyên , t nh Hà T nh (QT6-HT)

Bảng 8. Giá tr dâng, h m c n c c c tr qua các th i k

Th i gian	Xu th chính	Giá tr h th p nh t		Giá tr dâng cao nh t	
		Giá tr (m)	a i m	Giá tr (m)	a i m
1 n m tr c (2019)	Dâng	0,72	xã Thái Xá, huy n L Th y, t nh Qu ng Bình (QT13a-QB)	1,24	TT.Ph Châu, huy n H ng S n, t nh Hà T nh (QT2b-HS)
5 n m tr c (2015)	Dâng	0,11	xã Phong Phú, huy n H ng Khê, t nh Hà T nh (QT3a-HK)	1,53	xã H ng Th y, huy n H ng Khê, t nh Hà T nh (QT2a-HK)

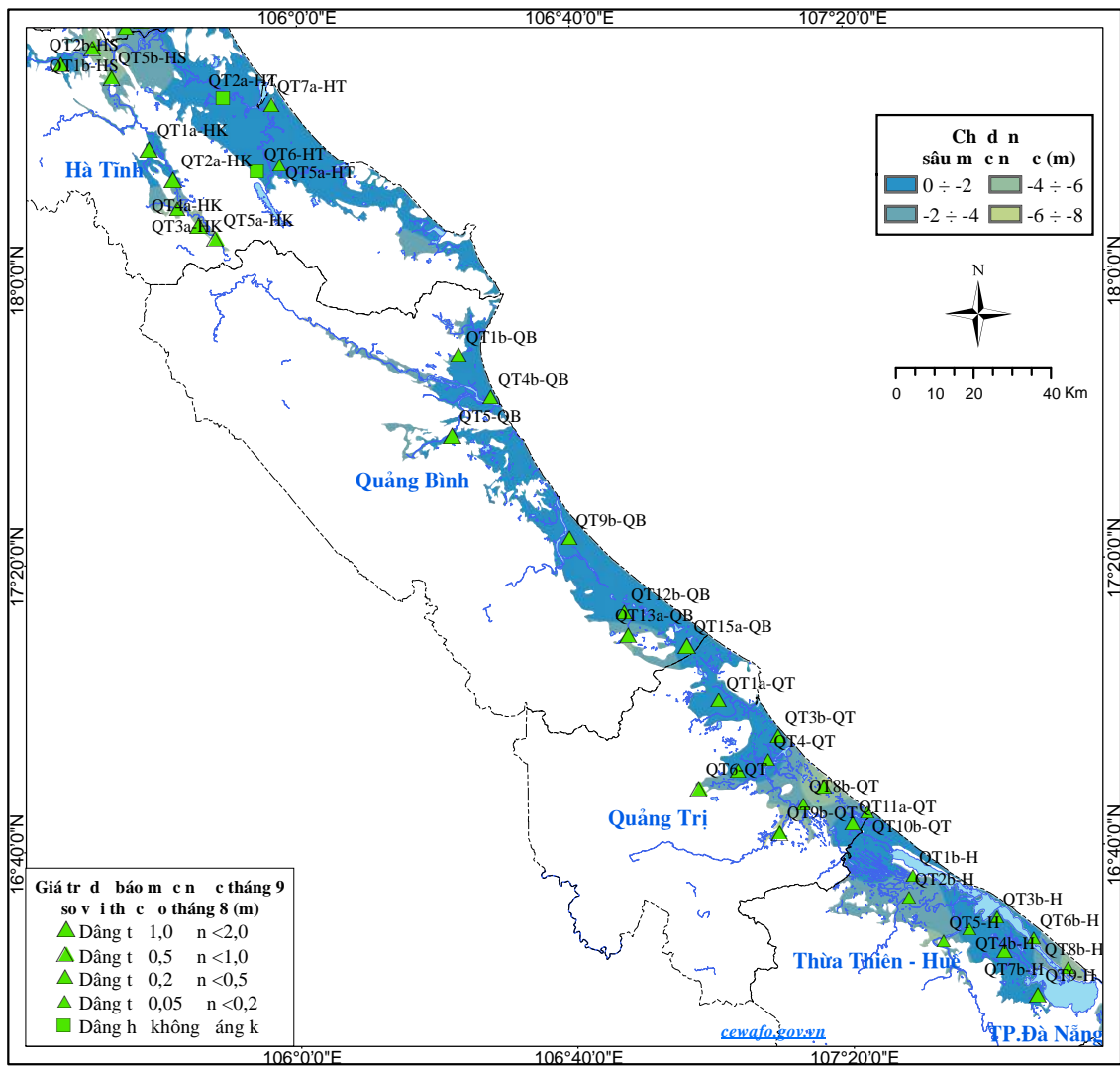


Hình 14. S đ i n bi n m c n c tháng 8 so v i cùng k n m tr c t ng q



Hình 15. S di n bi n m c n c tháng 8 so v i cùng k 5 n m tr c t ng qđ

D báo: Di n bi n m c n c d i t tháng 9 có xu th dâng so v i m c n c th c o tháng 8 v i 36/38 công trình m c n c dâng và 2/38 công trình m c n c dâng h không áng k . M c n c dâng t 0,5 n 1,0m huy n H ng Khê, H ng S n (t nh Hà T nh); huy n Cam L c, L Th y (t nh Qu ng Bình) và m c n c dâng >1,0m phân b các khu v c huy n H ng Khê (t nh Hà T nh); huy n B Tr ch, L Th y (t nh Qu ng Bình) (xem hình 16).



Hình 16. S d báo di n bi n m c n c t ng q

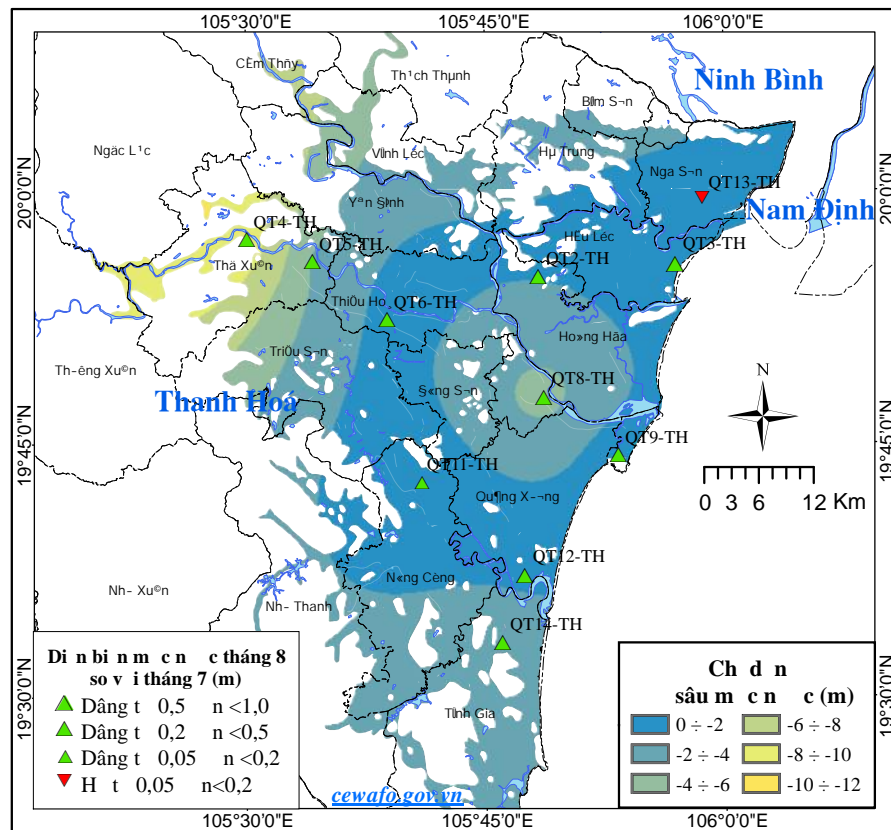
II. Chi tiết địa hình biển và đặc điểm các tầng

II.1. Tầng Thanh Hóa

II.1.1. Tầng chứa nước Holocene (qh)

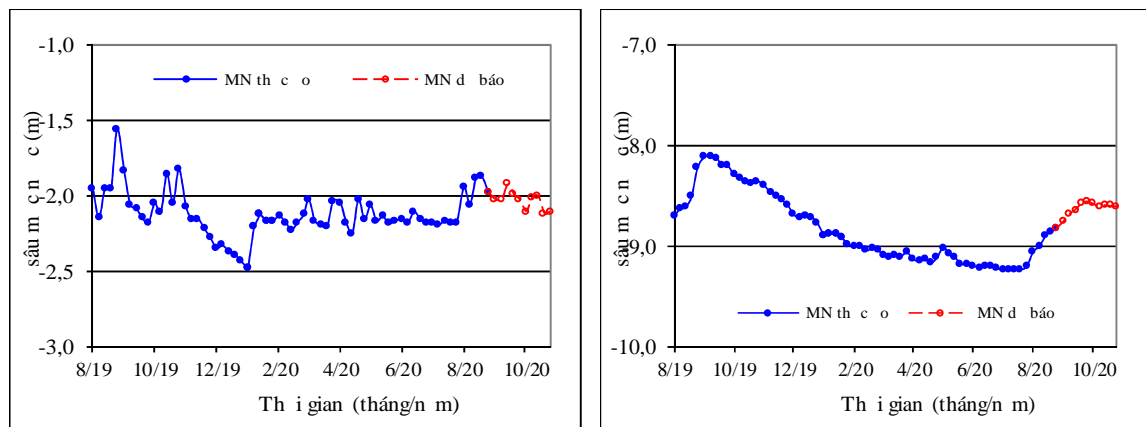
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,91m tại xã Minh Lạc, huyện Hậu Lộc (QT3-TH).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -0,82m tại xã Trung Chính, huyện Nông Cống (QT11-TH) và sâu nhất là -8,96m tại xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân (QT4-TH).



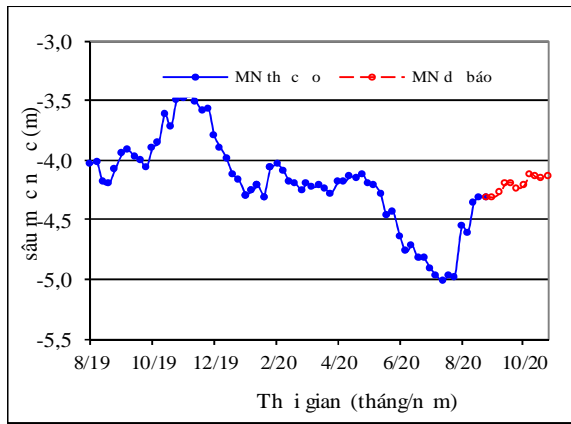
Hình 17. Sự di n bi n m c n c tháng 8 t ng qh

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết địa hình biển mức nước cụ thể sẽ trình bày sau (xem hình 18 và bảng 9).

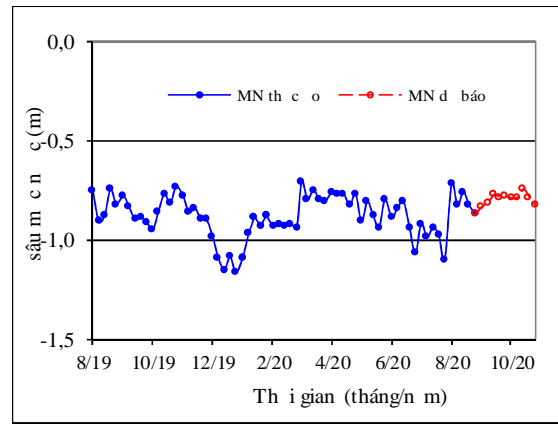


a) Xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa (QT2-TH)

b) Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân (QT4-TH)



c) Xã Đông Hải, TP Thanh Hóa (QT8-TH)



d) Xã Trung Chính, huyện Nông Cống (QT11-TH)

Hình 18. Dự báo sâu m c n c t ng qh

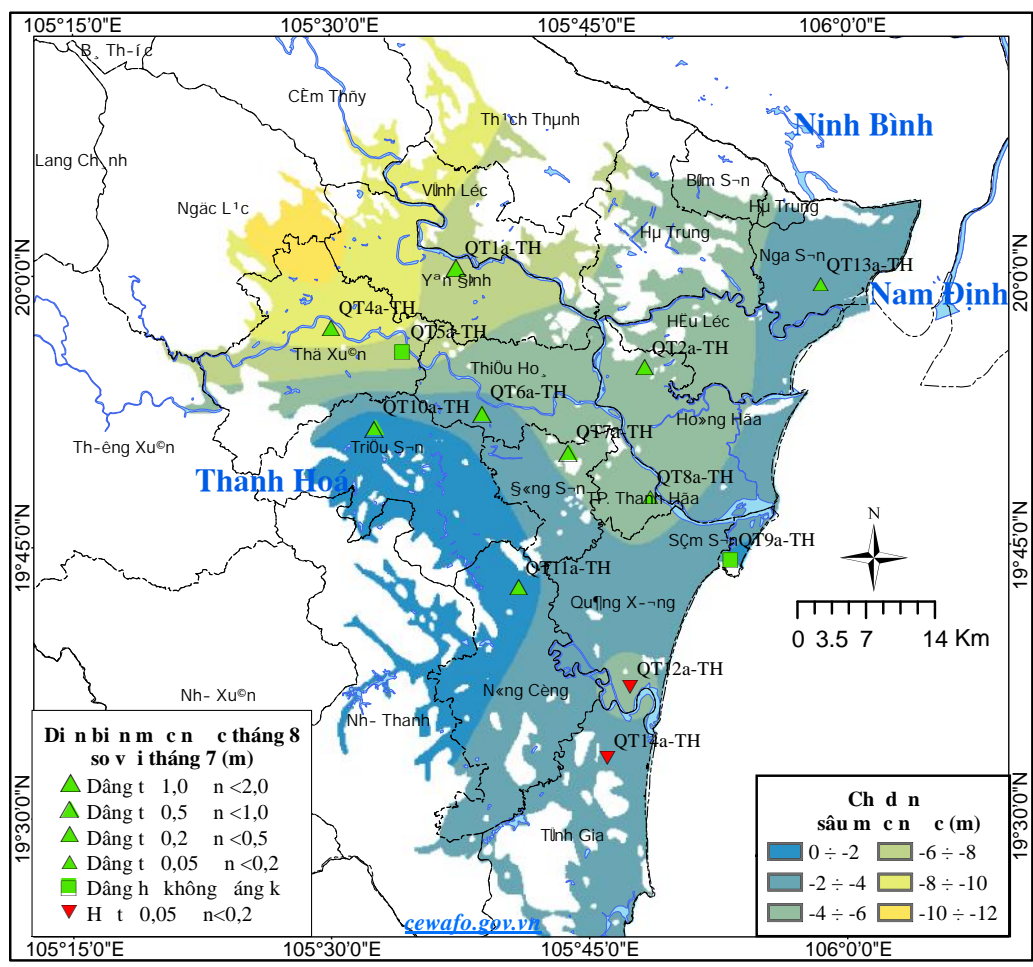
Bảng 9. Sâu m c n c t ng qh (m)

Ngày	Xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa (QT2-TH)			Xã Xuân Hòa, huyện Thi Xuân (QT4-TH)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,95	-2,03	-2,11	-9,06	-8,76	-8,58
12	-2,06	-2,02	-2,01	-9,01	-8,69	-8,61
18	-1,89	-1,92	-2,01	-8,91	-8,64	-8,60
24	-1,88	-1,99	-2,13	-8,86	-8,58	-8,60
30	-1,98	-2,03	-2,11	-8,83	-8,56	-8,61
TB	-1,95	-2,00	-2,07	-8,93	-8,65	-8,60
Ngày	Xã Đông Hải, TP Thanh Hóa (QT8-TH)			Xã Trung Chính, huyện Nông Cống (QT11-TH)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-4,56	-4,31	-4,21	-0,72	-0,83	-0,79
12	-4,61	-4,28	-4,12	-0,83	-0,81	-0,79
18	-4,36	-4,20	-4,14	-0,76	-0,78	-0,75
24	-4,31	-4,19	-4,15	-0,83	-0,79	-0,79
30	-4,31	-4,24	-4,13	-0,87	-0,78	-0,83
TB	-4,43	-4,24	-4,15	-0,80	-0,80	-0,79

II.1.2. Tình hình mực nước Pleistocene (qp)

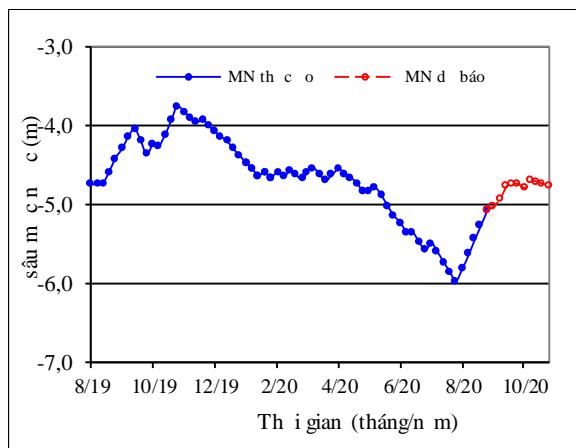
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 8 có xu hướng dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất 1,10m tại xã Yên Thái, huyện Yên Ninh (QT1a-TH).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,98m tại xã Thôn Dân, huyện Triệu Sơn (QT10a-TH) và sâu nhất là -9,02m tại xã Xuân Hòa, huyện Thi Xuân (QT4a-TH).

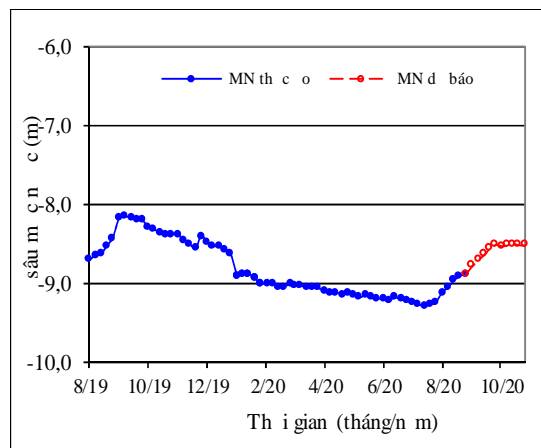


Hình 19. Sự di n bi n m c n c tháng 8 t ng q p

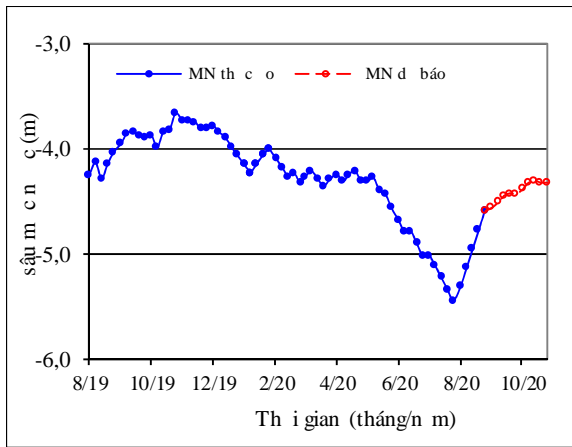
D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 m c n c có xu th dâng. Chi ti t di n bi n m c n c t i m t s i m c tr ng nh sau (xem hình 20 và b ng 10).



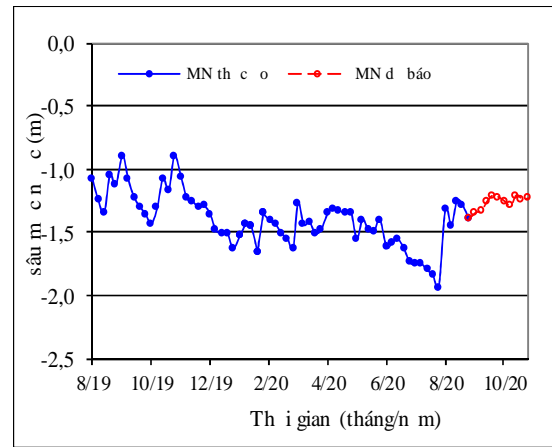
a) Xã Ho ng Trung, huyện Ho ng Hóa (QT2a-TH)



b) Xã Xuân Hòa, huyện Th Xuân (QT4a-TH)



c) Xã ông H i, TP Thanh Hóa (QT8a-TH)



d) Xã Trung Chính, huyện Nông C ng (QT11a-TH)

Hình 20. D báo sâu m c n c t ng q p

Bảng 10. sâu m c n c t ng q p (m)

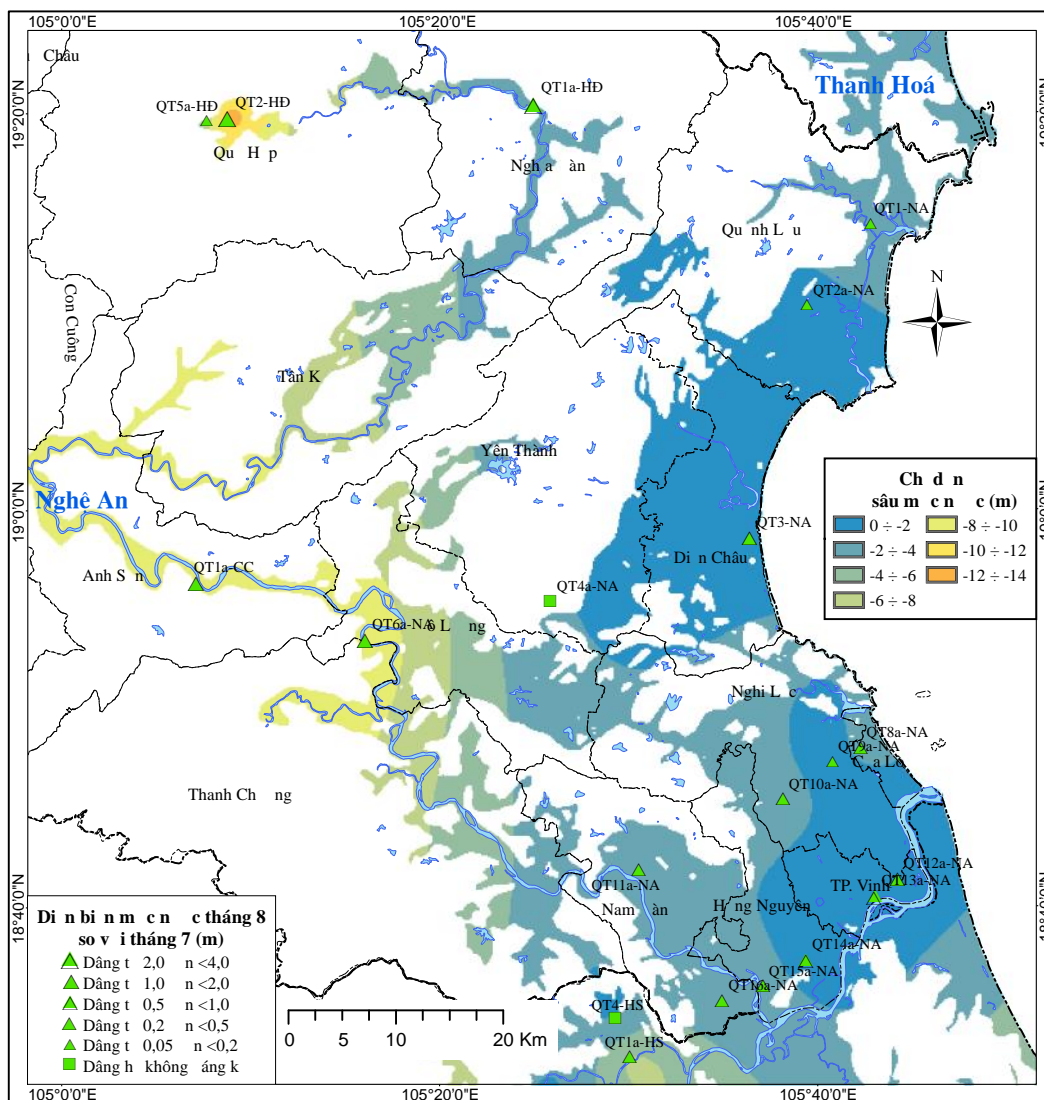
Ngày	Xã Ho ng Trung, huyện Ho ng Hóa (QT2a-TH)			Xã Xuân Hòa, huyện Th Xuân (QT4a-TH)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-5,81	-5,03	-4,80	-9,12	-8,78	-8,53
12	-5,64	-4,94	-4,71	-9,06	-8,71	-8,52
18	-5,45	-4,78	-4,72	-8,97	-8,64	-8,50
24	-5,27	-4,74	-4,75	-8,92	-8,56	-8,52
30	-5,09	-4,75	-4,76	-8,89	-8,51	-8,52
TB	-5,45	-4,85	-4,75	-8,99	-8,64	-8,52
Ngày	Xã ông H i, TP Thanh Hóa (QT8a-TH)			Xã Trung Chính, huyện Nông C ng (QT11a-TH)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-5,32	-4,57	-4,39	-1,31	-1,35	-1,26
12	-5,14	-4,52	-4,33	-1,45	-1,33	-1,29
18	-4,96	-4,45	-4,31	-1,25	-1,25	-1,21
24	-4,78	-4,43	-4,33	-1,29	-1,21	-1,24
30	-4,60	-4,44	-4,33	-1,39	-1,22	-1,23
TB	-4,96	-4,48	-4,34	-1,34	-1,27	-1,25

II.2. T nh Ngh An

II.2.1. T ng ch a n c Holocene (qh)

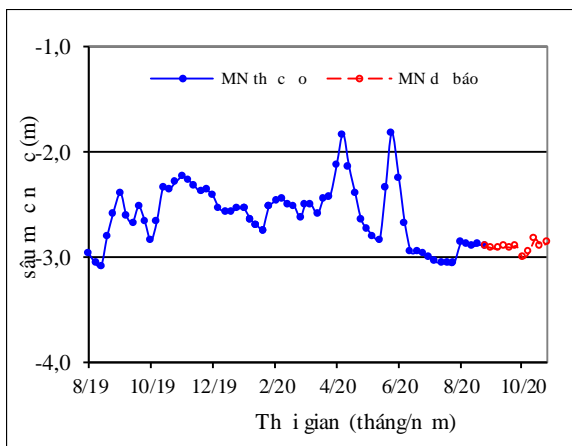
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7. Giá tr dâng cao nh t là 2,81m t i xã Quang Phong, huyện Thái Hòa (QT1a-HĐ).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,87m t i xã H ng Hòa, TP.Vinh (QT12a-NA) và sâu nh t là -12,10m t i xã Châu Quang, huyện Qu H p (QT2-HĐ).

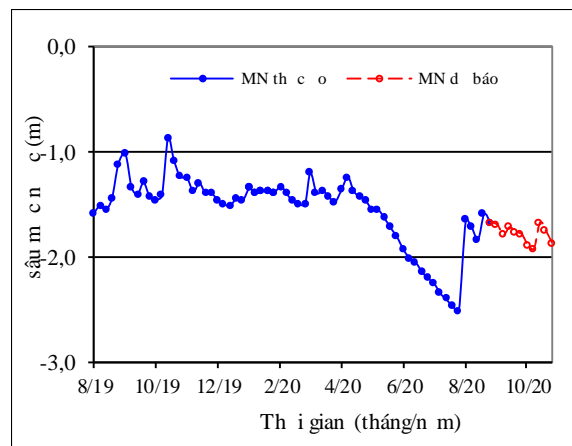


Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tại các trạm

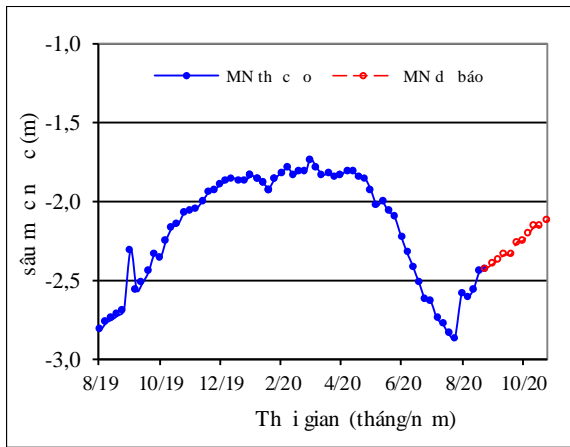
D báo: Mực nước tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu thế dâng là chính so với tháng 8. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số trạm trọng tâm sau (xem hình 22 và bảng 11).



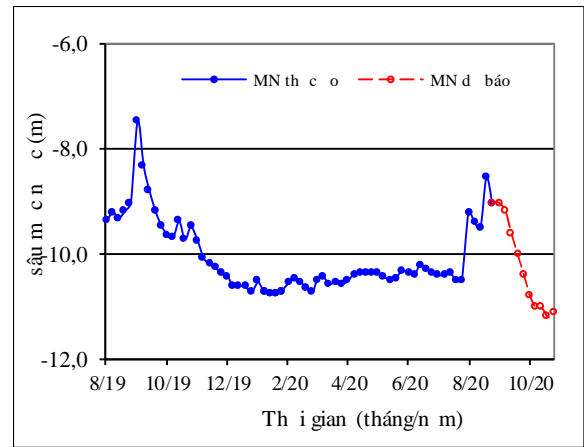
a) Xã Quỳnh D, Tx. Hoàng Mai (QT1-NA)



b) Xã Diên Thành, huyện Diên Châu (QT3-NA)



c) Xã Nghi V n, huy n Nghi L c (QT10a-NA)



d) Xã L u S n, huy n ô L ng (QT6a-NA)

Hình 22. D báo sâu m c n c t ng qh

Bảng 11. sâu m c n c t ng qh (m)

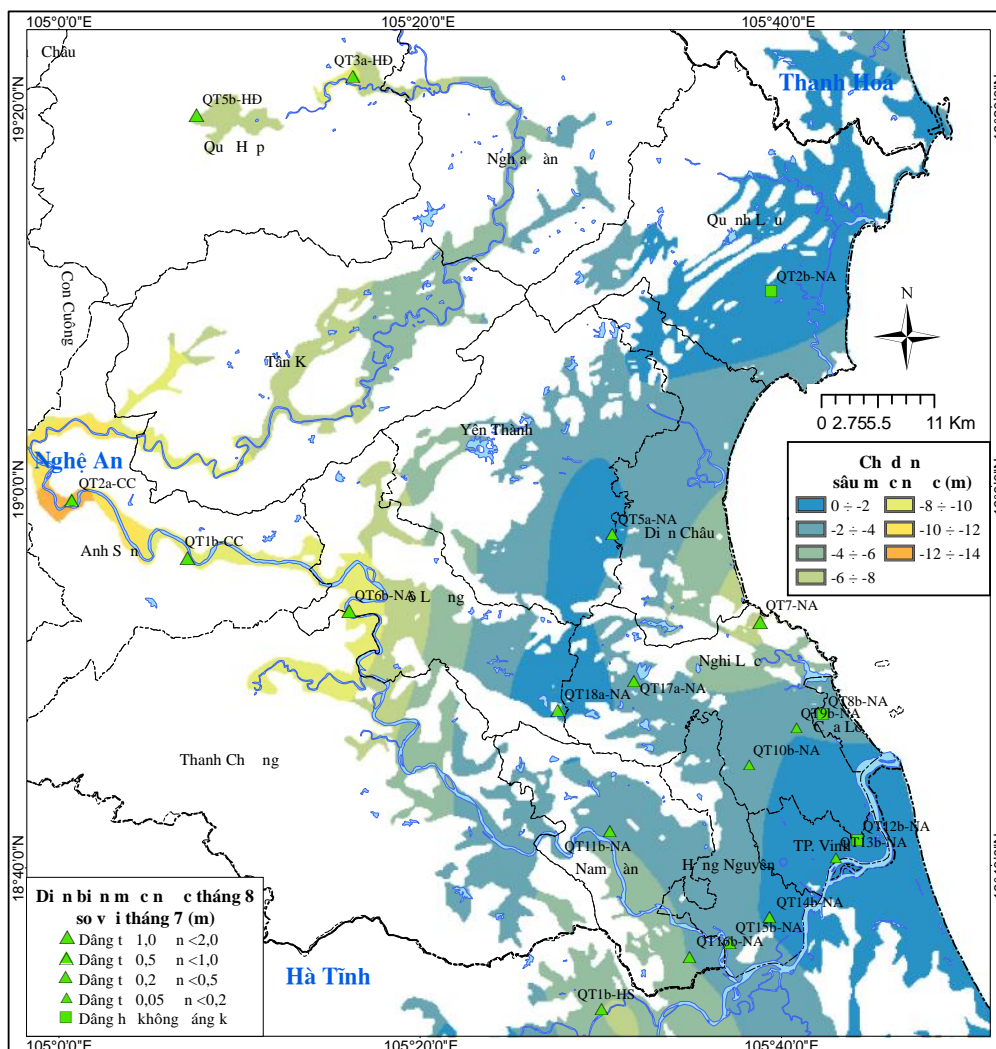
Ngày	Xã Quỳnh D, Tx. Hoàng Mai (QT1-NA)			Xã Di n Thành, huy n Di n Châu (QT3-NA)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-2,87	-2,92	-3,02	-1,66	-1,70	-1,90
12	-2,89	-2,93	-2,96	-1,73	-1,80	-1,93
18	-2,90	-2,91	-2,83	-1,84	-1,73	-1,68
24	-2,89	-2,91	-2,90	-1,60	-1,77	-1,76
30	-2,90	-2,90	-2,87	-1,68	-1,79	-1,88
TB	-2,89	-2,92	-2,92	-1,70	-1,76	-1,83

Ngày	Xã Nghi V n, huy n Nghi L c (QT10a-NA)			Xã L u S n, huy n ô L ng (QT6a-NA)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-2,59	-2,40	-2,25	-9,23	-9,05	-10,79
12	-2,61	-2,37	-2,21	-9,41	-9,21	-11,03
18	-2,56	-2,34	-2,16	-9,53	-9,64	-11,03
24	-2,45	-2,34	-2,16	-8,56	-10,02	-11,20
30	-2,43	-2,26	-2,13	-9,04	-10,40	-11,14
TB	-2,53	-2,34	-2,18	-9,15	-9,66	-11,04

II.2.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)

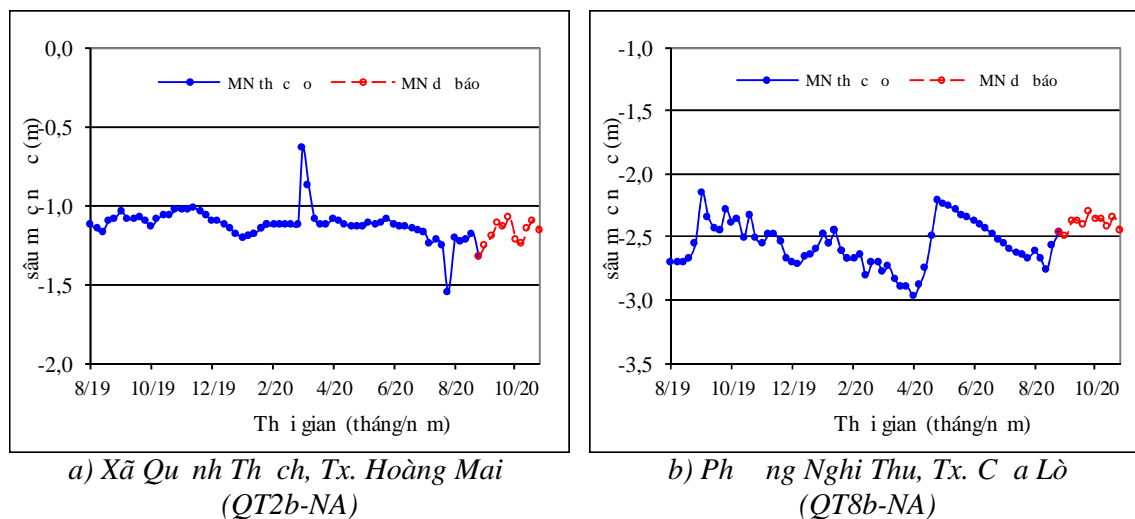
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7. Giá tr dâng cao nh t là 1,21m t i xã Châu Quang, huy n Quỳnh H p (QT5b-HĐ).

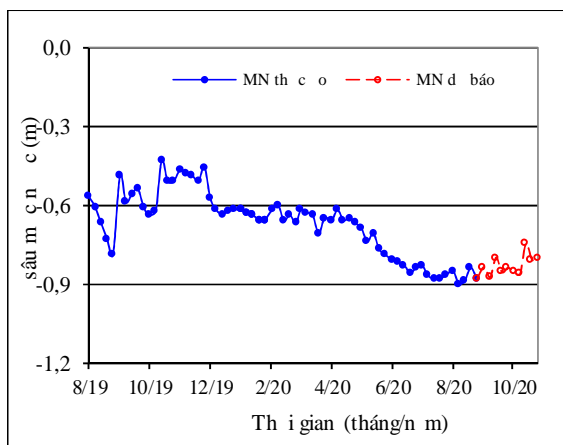
M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,86m t i xã H ng Hòa, TP.Vinh (QT12b-NA) và sâu nh t là -12,50m t i xã Hùng S n, huy n Anh S n (QT2a-CC).



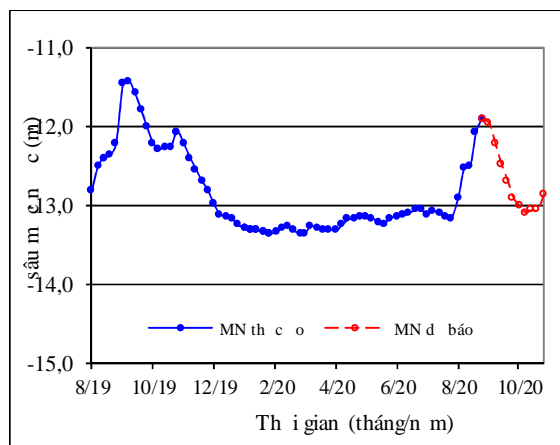
Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 8 tại các điểm

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mực nước có xu hướng dâng là chính. Chỉ tiêu diễn biến mực nước tại các điểm sau (xem hình 23 và bảng 12).





c) Xã Hưng Hoà, TP. Vinh
(QT12b-NA)



d) Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn
(QT2a-CC)

Hình 24. D báo sâu m c n c t ng q p

Bảng 12. sâu m c n c t ng q p (m)

Ngày	Xã Quỳnh Thới, Tx. Hoàng Mai (QT2b-NA)			Phong Nghi Thu, Tx. C a Lò (QT8b-NA)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,21	-1,25	-1,22	-2,62	-2,50	-2,36
12	-1,23	-1,20	-1,24	-2,68	-2,37	-2,36
18	-1,22	-1,12	-1,15	-2,76	-2,38	-2,43
24	-1,18	-1,14	-1,10	-2,57	-2,40	-2,35
30	-1,33	-1,08	-1,17	-2,47	-2,30	-2,45
TB	-1,23	-1,16	-1,18	-2,62	-2,39	-2,39

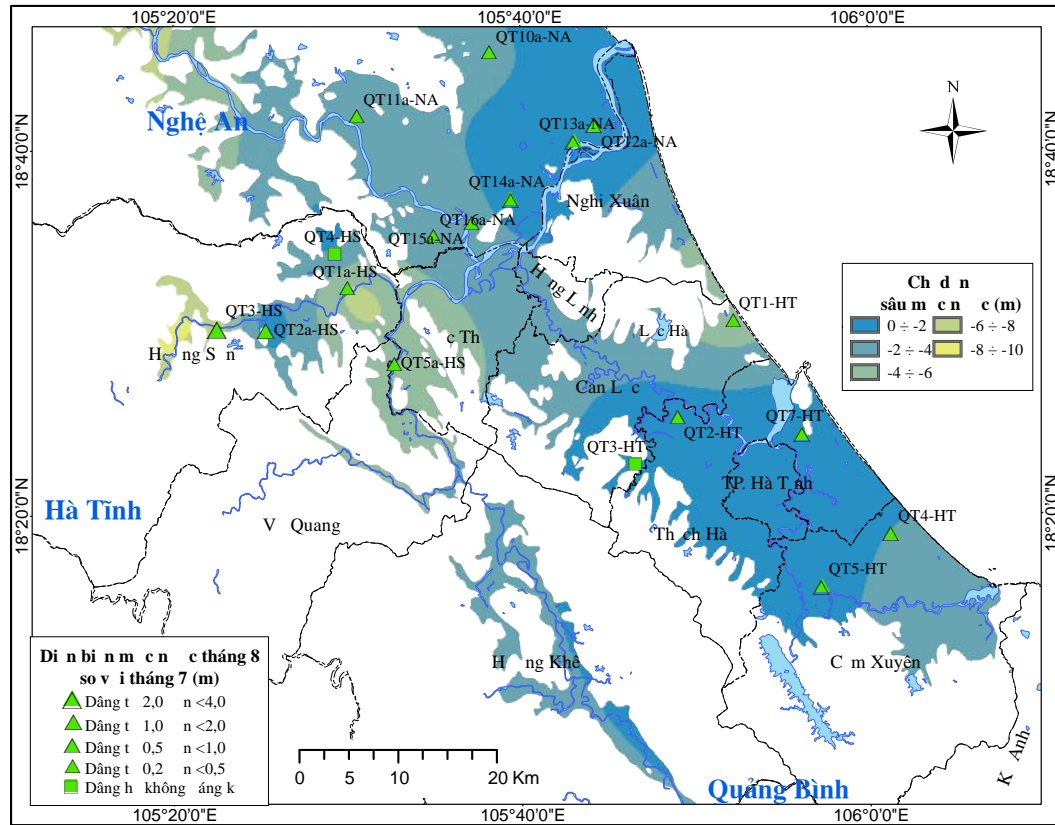
Ngày	Xã Hưng Hoà, TP. Vinh (QT12b-NA)			Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-0,85	-0,84	-0,86	-12,92	-11,97	-13,02
12	-0,90	-0,88	-0,86	-12,54	-12,23	-13,10
18	-0,89	-0,80	-0,75	-12,52	-12,49	-13,07
24	-0,84	-0,86	-0,81	-12,08	-12,69	-13,07
30	-0,88	-0,84	-0,80	-11,91	-12,92	-12,87
TB	-0,87	-0,84	-0,82	-12,39	-12,46	-13,02

II.3. Tình hình Hà Tĩnh

II.3.1. Tình hình các huyện Holocene (qh)

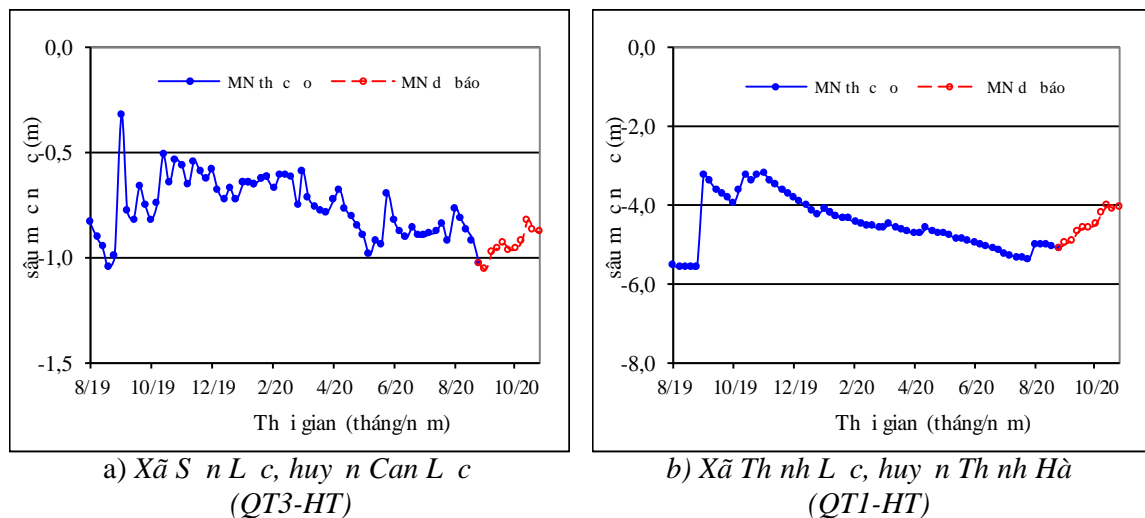
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 8 dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 2,07m tại xã Sơn Diêm, huyện Hương Sơn (QT3-HS).

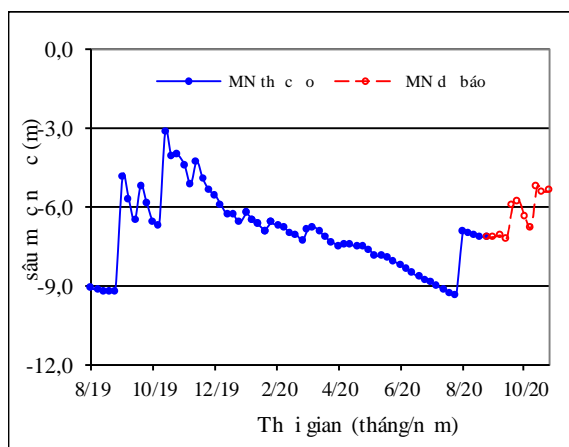
Mức nước trung bình tháng nông nhất là -0,47m tại xã Thạch Nhì, huyện Thạch Hà (QT7-HT) và sâu nhất là -7,09m tại xã Sơn Diêm, huyện Hương Sơn (QT3-HS).



Hình 25. Sự đi lệch mực nước tháng 8 so với tháng 7

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu hướng dâng. Chi tiết đi lệch mực nước tại các trạm thủy văn trọng yếu sau (xem hình 26 và bảng 13).





c) Xã S n Di m, huy n H ng S n (QT3-HS)

Hình 26. D báo sâu m c n c t ng qh

Bảng 13. sâu m c n c t ng qh (m)

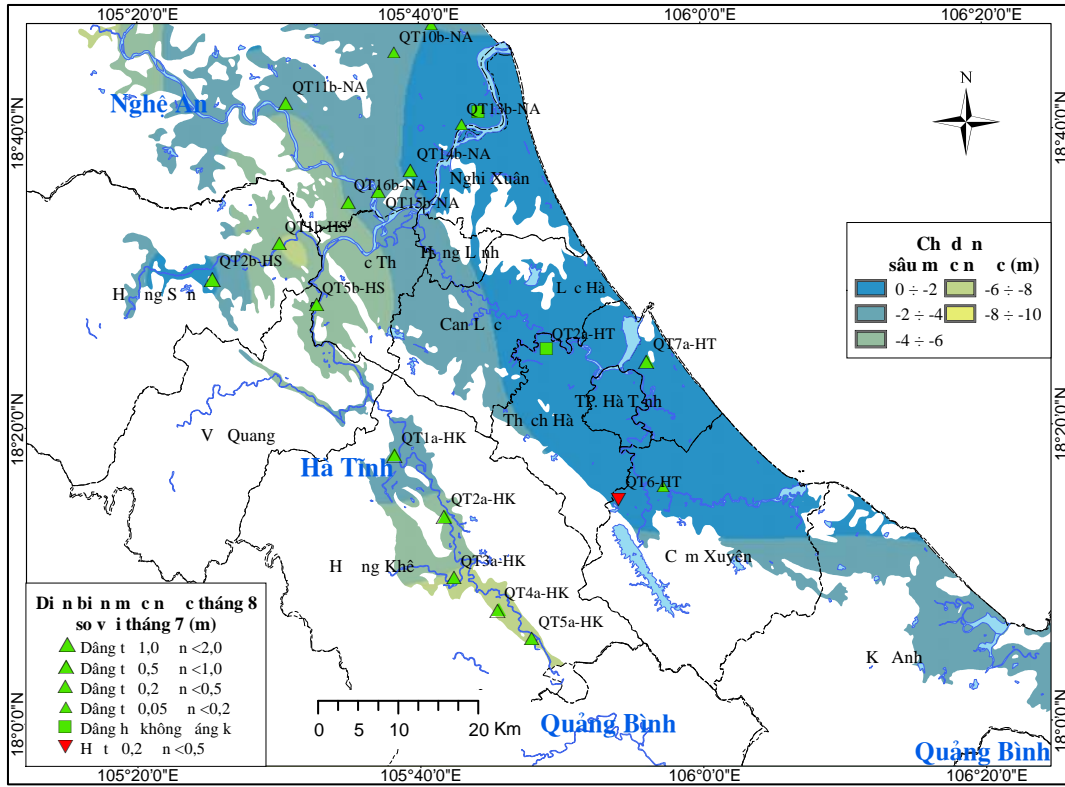
Ngày	Xã S n L c, huy n Can L c (QT3-HT)			Xã Th nh L c, huy n L c Hà (QT1-HT)			Xã S n Di m, huy n H ng S n (QT3-HS)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-0,77	-1,06	-0,96	-5,00	-5,00	-4,50	-6,95	-7,18	-6,42
12	-0,82	-0,98	-0,92	-5,01	-4,92	-4,22	-7,05	-7,12	-6,79
18	-0,87	-0,96	-0,82	-5,04	-4,70	-4,03	-7,11	-7,22	-5,23
24	-0,92	-0,94	-0,87	-5,08	-4,59	-4,11	-7,16	-5,99	-5,44
30	-1,03	-0,96	-0,88	-5,12	-4,58	-4,05	-7,20	-5,80	-5,42
TB	-0,88	-0,98	-0,89	-5,05	-4,76	-4,18	-7,09	-6,66	-5,86

II.3.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)

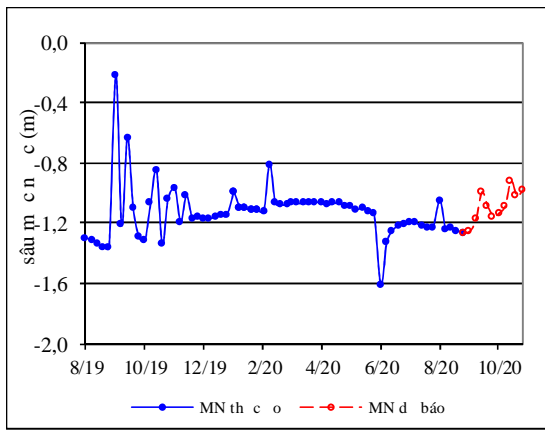
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7. Giá tr dâng cao nh t là 1,89m t i TT.Ph Châu, huy n H ng S n (QT2b-HS) và h th p nh t là 0,20m t i xã C m Th ch, huy n C m Xuyên (QT6-HT).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,80m t i xã Th ch nh, huy n Th ch Hà (QT7a-HT) và sâu nh t là -7,73m t i xã Phúc Tr ch, huy n H ng Khê (QT4a-HK).

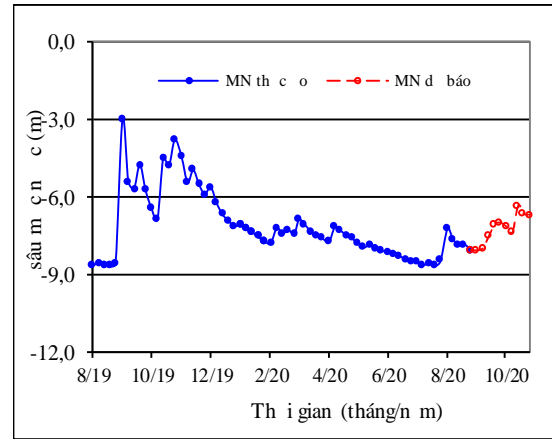
D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 m c n c có xu th dâng. Chi tí t đi n bi n m c n c t i m t s i m c tr ng nh sau (xem hình 28 và b ng 14).



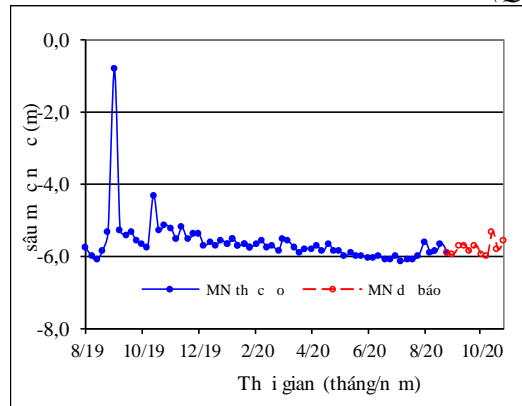
Hình 27. S di n bi n m c n c tháng 8 t ng q



a) Xã C m Thành, huy n C m Xuyên (QT5a-HT)



b) Xã Phúc Tr ch, huy n H ng Khê (QT4a-HK)



c) Xã c L c, huy n H ng S n (QT5b-HS)

Hình 28. D báo sâ m c n c t ng q

Bảng 14. *sâu m c n c t ng qp (m)*

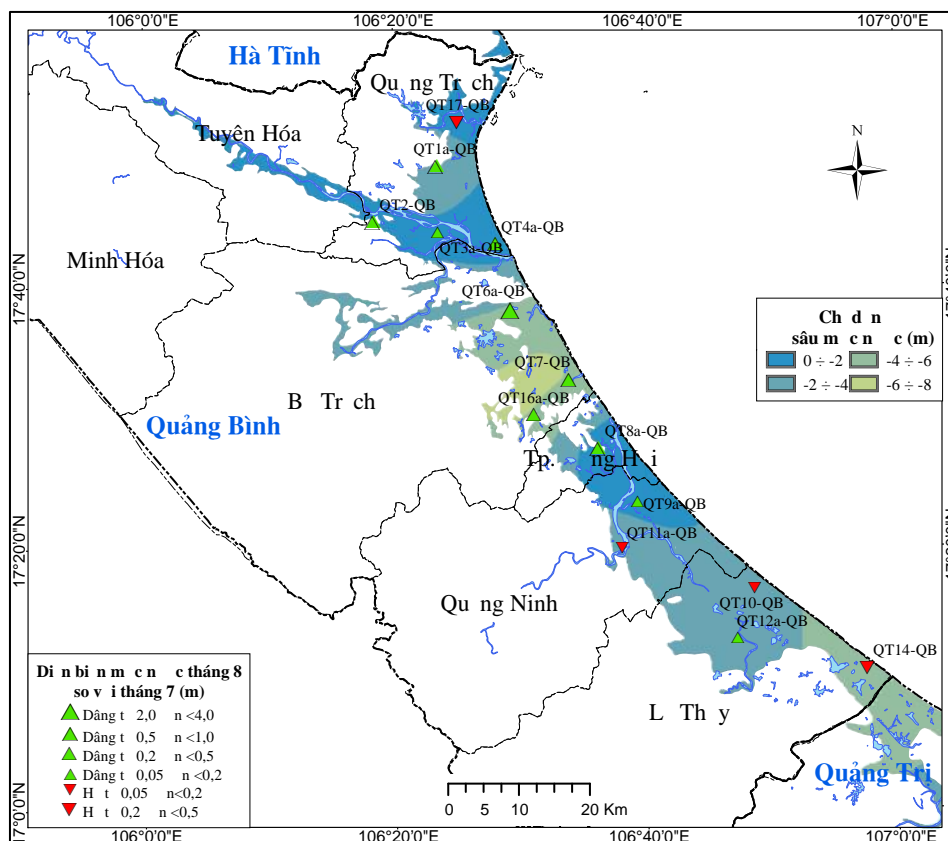
Ngày	Xã C m Thành, huy n C m Xuyên (QT5a-HT)			Xã Phúc Tr ch, huy n H ng Khê (QT4a-HK)			Xã c L c, huy n H ng S n (QT5b-HS)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,05	-1,26	-1,14	-7,28	-8,10	-7,18	-5,62	-5,96	-5,98
12	-1,24	-1,17	-1,09	-7,67	-8,00	-7,41	-5,93	-5,74	-6,01
18	-1,23	-1,00	-0,92	-7,89	-7,53	-6,37	-5,90	-5,72	-5,35
24	-1,25	-1,09	-1,02	-7,87	-7,09	-6,69	-5,67	-5,89	-5,84
30	-1,27	-1,16	-0,99	-8,09	-7,04	-6,72	-5,93	-5,72	-5,58
TB	-1,21	-1,14	-1,03	-7,76	-7,55	-6,87	-5,81	-5,81	-5,75

II.4. T nh Qu ng Bình

II.4.1. T ng ch a n c Holocene (qh)

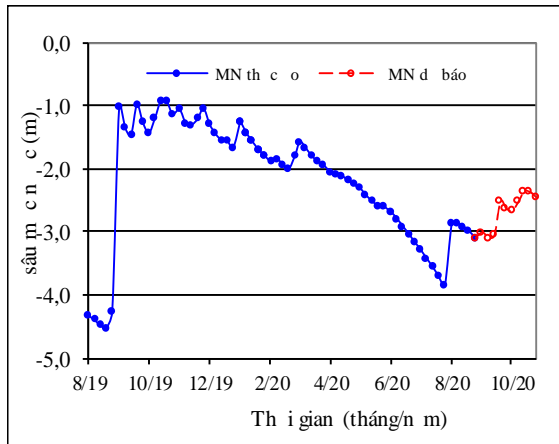
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng so v i tháng 7. Giá tr dâng cao nh t là 2,48m t i xã Phú Tr ch, huy n B Tr ch (QT6a-QB) và h th p nh t là 0,45m t i xã Qu ng Tùng, huy n Qu ng Tr ch (QT17-QB).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,98m t i P.Nam Lý, TP. ng H i (QT8a-QB) và sâu nh t là -5,88m t i xã Ng Th y Nam, huy n L Th y (QT14-QB).

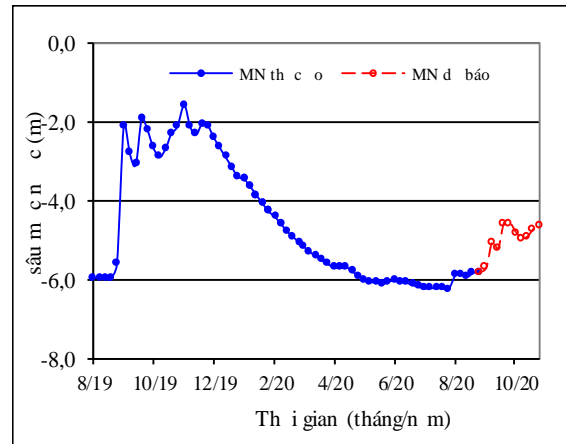


Hình 29. S đi n bi n m c n c tháng 8 t ng qh

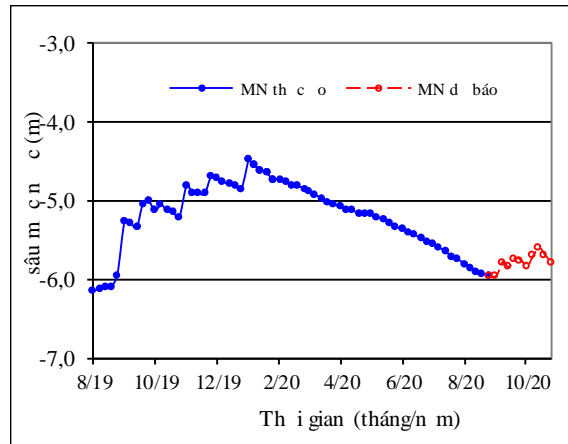
D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu hướng. Chi tiết diễn biến mức nước tại các trạm sau (xem hình 30 và bảng 15).



a) Xã Qu ng L u, huy n Qu ng Tr ch (QT1a-QB)



b) Xã Nam Tr ch, huy n B Tr ch (QT16a-QB)



c) Xã Ng Th y Nam, huy n L Th y (QT14-QB)

Hình 30. D báo s u m c n c t ng q h

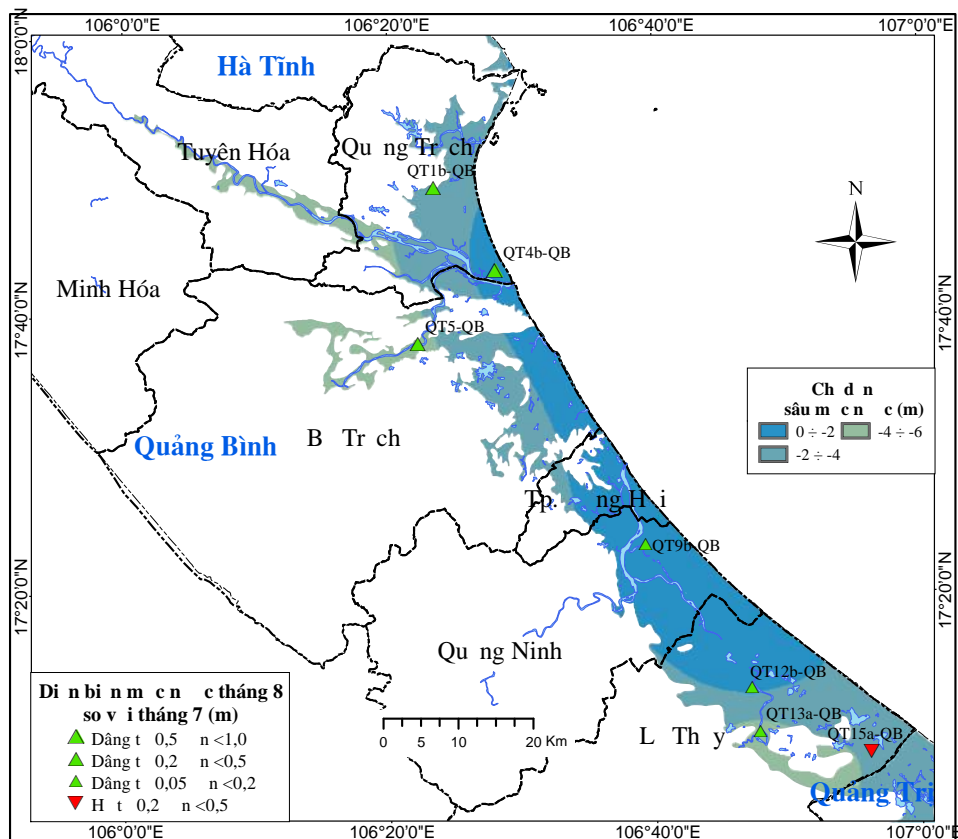
B ng 15. s u m c n c t ng q h (m)

Ngày	Xã Qu ng L u, huy n Qu ng Tr ch (QT1a-QB)			Xã Nam Tr ch, huy n B Tr ch (QT16a-QB)			Xã Ng Th y Nam, huy n L Th y (QT14-QB)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-2,88	-3,01	-2,66	-5,89	-5,70	-4,81	-5,81	-5,95	-5,84
12	-2,86	-3,11	-2,53	-5,87	-5,05	-4,97	-5,87	-5,79	-5,71
18	-2,92	-3,06	-2,35	-5,93	-5,22	-4,91	-5,91	-5,85	-5,62
24	-3,00	-2,52	-2,37	-5,83	-4,57	-4,72	-5,94	-5,74	-5,71
30	-3,10	-2,63	-2,44	-5,82	-4,58	-4,64	-5,97	-5,77	-5,80
TB	-2,95	-2,87	-2,47	-5,87	-5,02	-4,81	-5,90	-5,82	-5,74

II.4.2. Tình hình mực nước Pleistocene (qp)

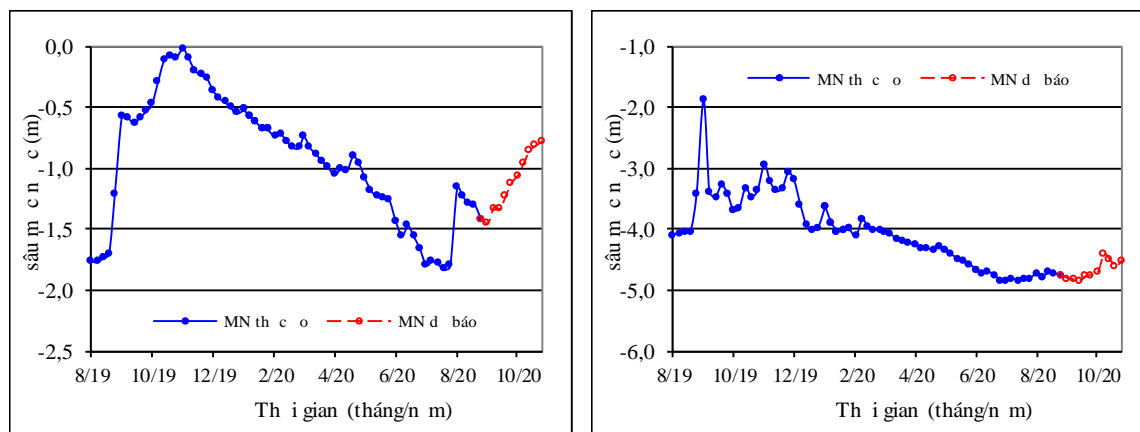
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng so với tháng 7. Giá trị dâng cao nhất là 0,50m tại P.Quảng Phúc, TX.Bà Rịa (QT4b-QB) và hình thái nhất là 0,27m tại xã Sen Thủy, huyện L. Thủy (QT15a-QB).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -1,24m tại xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh (QT9b-QB) và sâu nhất là -4,75m tại xã Thái Xá, huyện L. Thủy (QT13a-QB).



Hình 31. Sơ đồ biến đổi mực nước tháng 8 so với tháng 7

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết biến đổi mực nước cụ thể sẽ trình bày sau (xem hình 32 và bảng 16).



a) Ph. ng Quảng Phúc, TX. Bà Rịa (QT4b-QB)

b) Xã Thái Xá, huyện L. Thủy (QT13a-QB)

Hình 32. Dự báo mực nước tháng 9 và tháng 10

Bảng 16. *sâu m c n c t ng qp (m)*

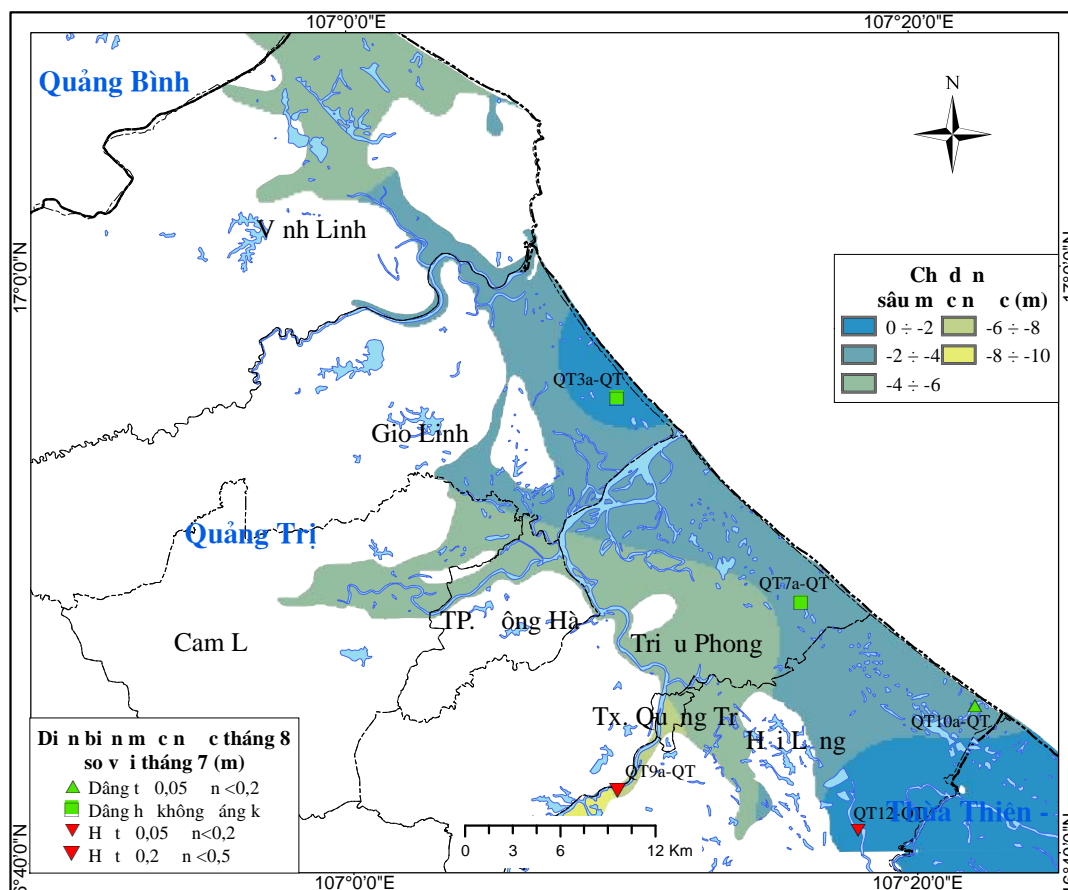
Ngày	Ph ng Qu ng Phúc, TX. Ba n (QT4b-QB)			Xã Thái Xá, huy n L Th y (QT13a-QB)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,16	-1,46	-1,06	-4,73	-4,82	-4,71
12	-1,23	-1,32	-0,95	-4,78	-4,83	-4,42
18	-1,29	-1,34	-0,86	-4,71	-4,85	-4,51
24	-1,30	-1,23	-0,82	-4,74	-4,78	-4,61
30	-1,42	-1,12	-0,78	-4,77	-4,75	-4,52
TB	-1,28	-1,29	-0,89	-4,75	-4,81	-4,55

II.5. T nh Qu ng Tr

II.5.1 T ng ch a n c Holocene (qh)

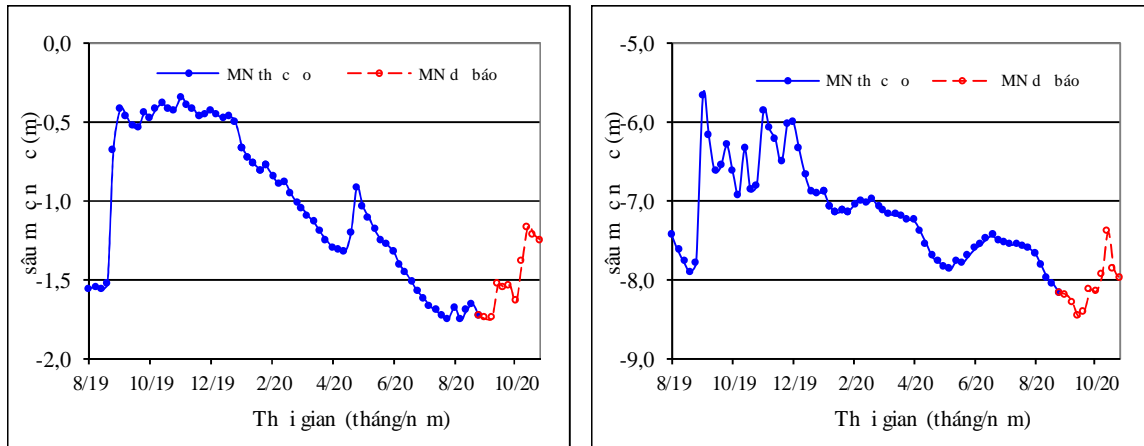
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th h so v i tháng 7. Giá tr h th p nh t là 0,38m t i xã H i L , huy n Tri u Phong (QT9a-QT).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -1,12m t i xã H i Tr ng, huy n H i L ng (QT12-QT) và sâu nh t là -7,94m t i xã H i L , huy n Tri u Phong (QT9a-QT).



Hình 33. S di n bi n m c n c tháng 8 t ng qh

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mức nước tại các trạm thủy văn cụ thể như sau (xem hình 34 và bảng 17).



a) Xã Gio Hải, huyện Gio Linh (QT3a-QT) b) Xã Hải Lăng, huyện Triệu Phong (QT9a-QT)

Hình 34. D báo mức nước tại các trạm thủy văn

Bảng 17. Mức nước tại các trạm thủy văn (m)

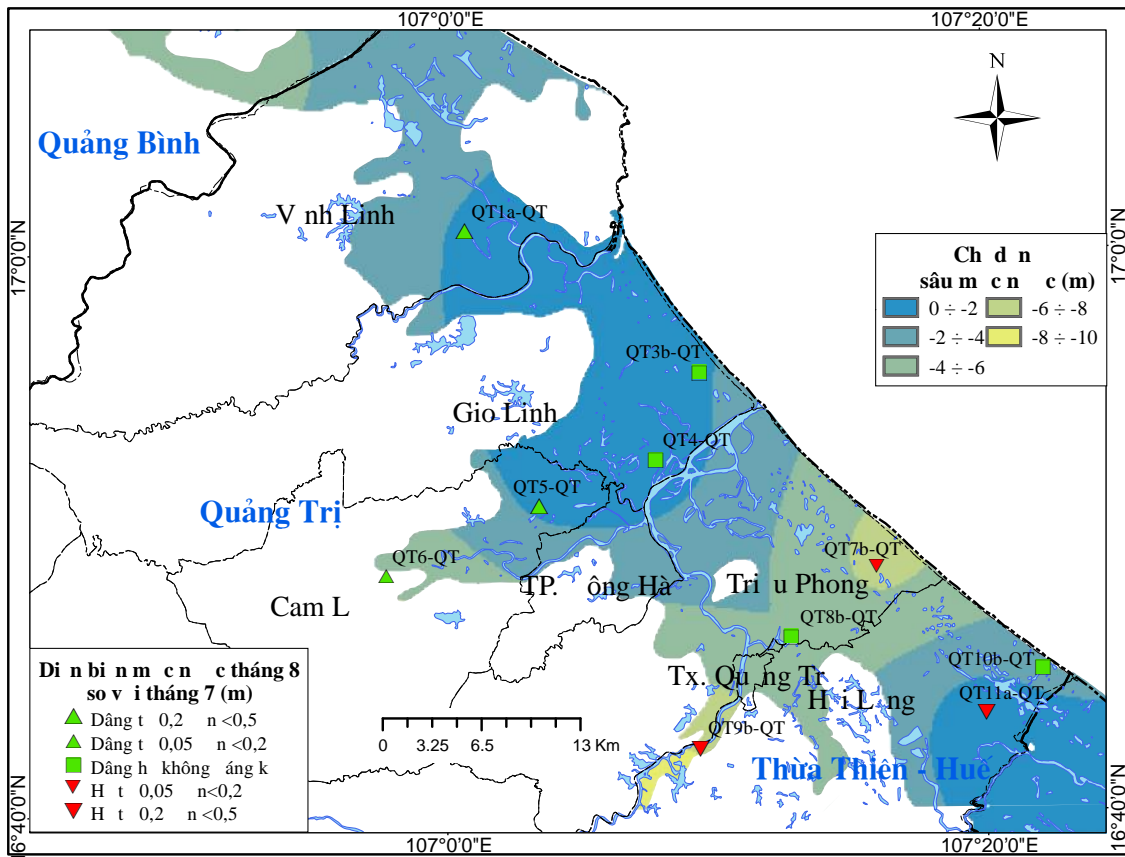
Ngày	Xã Gio Hải, huyện Gio Linh (QT3a-QT)			Xã Hải Lăng, huyện Triệu Phong (QT9a-QT)		
	Mức nước thực tế tháng 8	Mức nước dự báo		Mức nước thực tế tháng 8	Mức nước dự báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,68	-1,75	-1,64	-7,68	-8,20	-8,16
12	-1,76	-1,74	-1,39	-7,83	-8,29	-7,95
18	-1,70	-1,54	-1,17	-7,98	-8,47	-7,40
24	-1,66	-1,55	-1,22	-8,06	-8,41	-7,87
30	-1,73	-1,54	-1,25	-8,17	-8,14	-7,99
TB	-1,71	-1,62	-1,34	-7,94	-8,30	-7,87

II.5.2. Tình hình nước Pleistocene (qp)

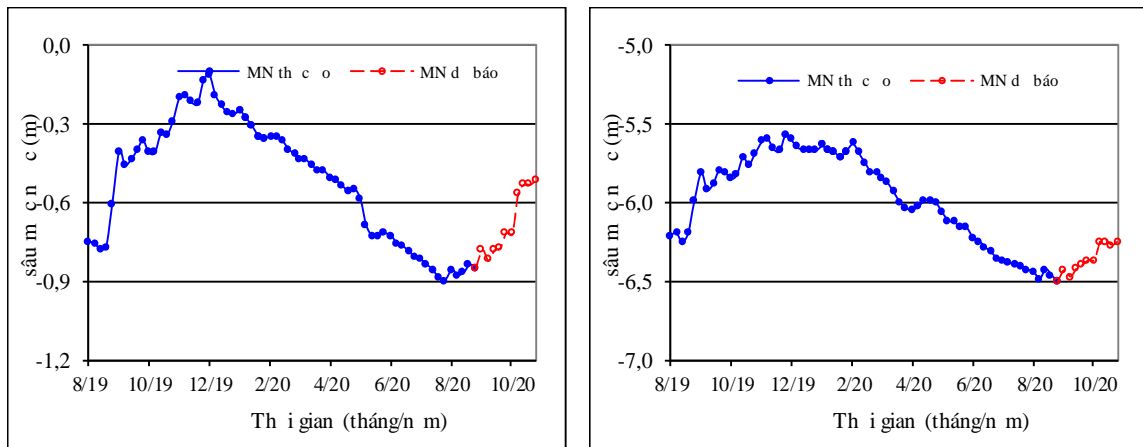
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 8 có xu thế dâng nhưng không rõ ràng so với tháng 7. Giá trị thấp nhất là 0,33m tại xã Hải Lăng, huyện Triệu Phong (QT9b-QT) và dâng cao nhất là 0,27m tại xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh (QT1a-QT).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -0,86m tại xã Gio Mai, huyện Gio Linh (QT4-QT) và sâu nhất là -7,89m tại xã Hải Lăng, huyện Triệu Phong (QT9b-QT).

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mức nước tại các trạm thủy văn cụ thể như sau (xem hình 36 và bảng 18).



Hình 35. Sơ đồ phân bố độ sâu mặt nước tháng 8 tại các trạm quan trắc



a) Xã Gio Mai, huyện Gio Linh (QT4-QT)

b) Xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong (QT7b-QT)

Hình 36. Đồ thị so sánh độ sâu mặt nước thực tế và dự báo

Bảng 18. Bảng so sánh độ sâu mặt nước thực tế và dự báo (m)

Ngày	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh (QT4-QT)			Xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong (QT7b-QT)		
	Độ sâu mặt nước thực tế tháng 8	Độ sâu mặt nước dự báo		Độ sâu mặt nước thực tế tháng 8	Độ sâu mặt nước dự báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-0,86	-0,78	-0,72	-6,45	-6,43	-6,37
12	-0,88	-0,82	-0,57	-6,49	-6,48	-6,25

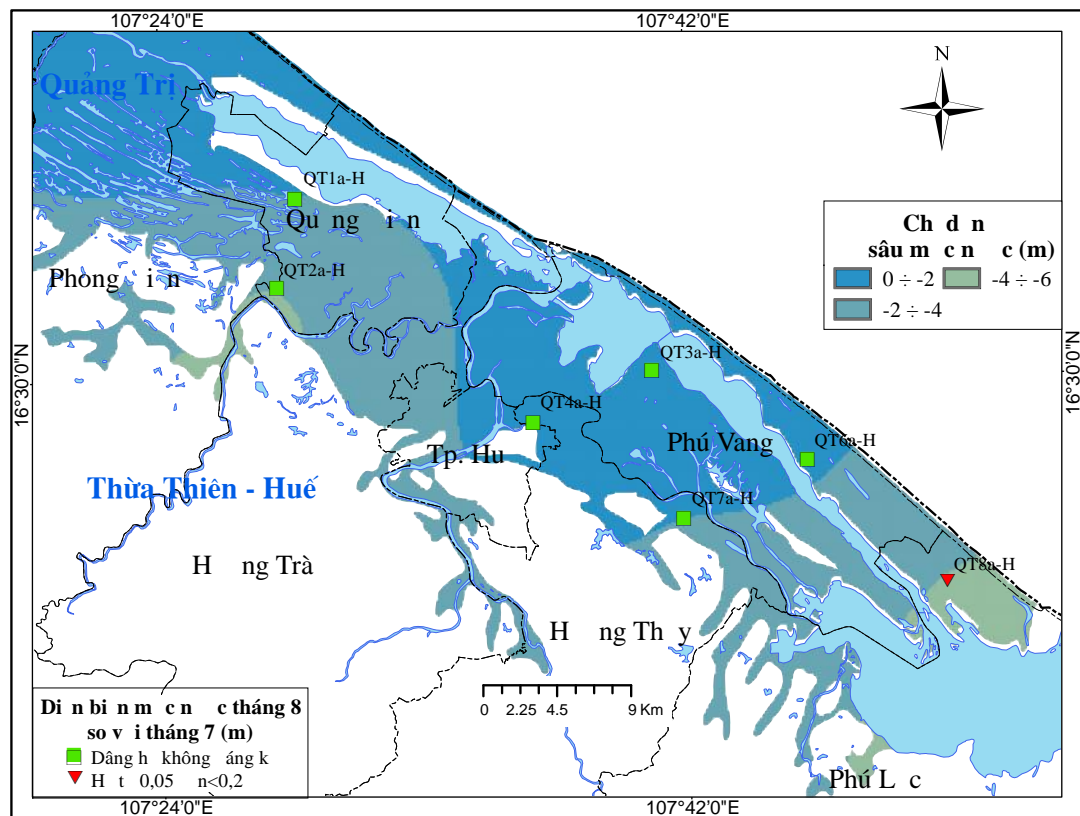
Ngày	Xã Gio Mai, huyện Gio Linh (QT4-QT)			Xã Tri u S n, huyện Tri u Phong (QT7b-QT)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
18	-0,87	-0,78	-0,53	-6,43	-6,43	-6,25
24	-0,84	-0,77	-0,53	-6,47	-6,40	-6,28
30	-0,85	-0,72	-0,52	-6,51	-6,37	-6,25
TB	-0,86	-0,77	-0,57	-6,47	-6,42	-6,28

II.6. T nh Th a Thiên Hu

II.6.1. T ng ch a n c Holocene (qh)

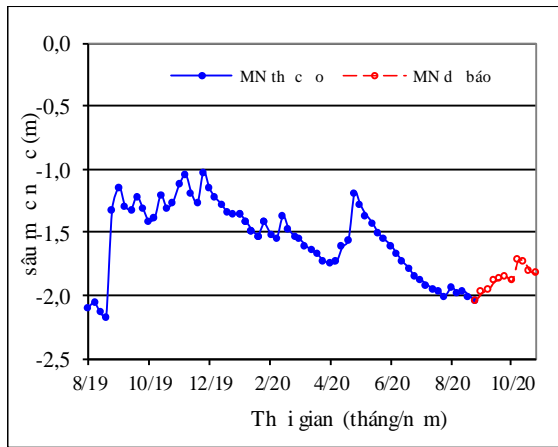
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng h không áng k so v i tháng 7. Giá tr h th p nh t là 0,18m t i xã Vinh M , huyện Phú L c (QT8a-H).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,73m t i xã Phú Xuân, huyện Phú Vang (QT3a-H) và sâu nh t là -4,05m t i xã Vinh M , huyện Phú L c (QT8a-H).

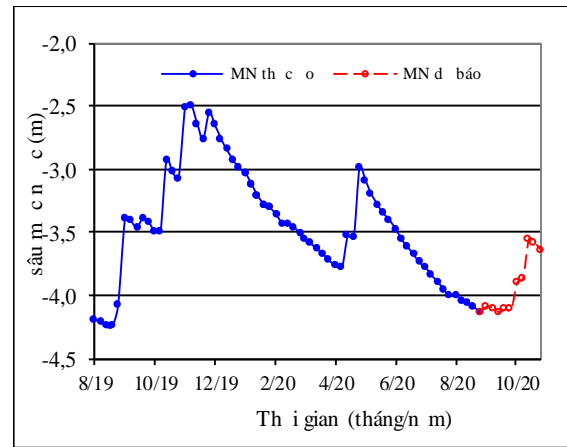


Hình 37. S di n bi n m c n c tháng 8 t ng qh

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 m c n c có xu th dâng. Chi ti t di n bi n m c n c t i m t s i m c tr ng nh sau (xem hình 38 và b ng 19).



a) Xã Qu ng L i, huy n Qu ng i n (QT1a-H)



b) Xã Vinh M , huy n Phú L c (QT8a-H)

Hình 38.D báo sâu m c n c t ng qh

Bảng 19. sâu m c n c t ng qh (m)

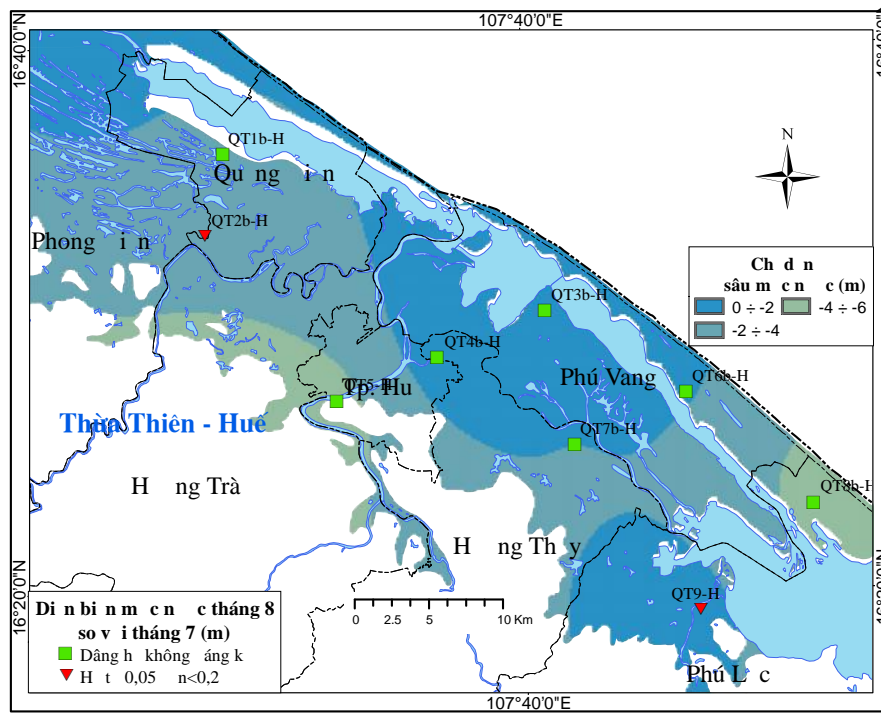
Ngày	Xã Qu ng L i, huy n Qu ng i n (QT1a-H)			Xã Vinh M , huy n Phú L c (QT8a-H)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-1,94	-1,97	-1,88	-4,00	-4,09	-3,90
12	-1,99	-1,95	-1,72	-4,04	-4,10	-3,86
18	-1,97	-1,89	-1,73	-4,06	-4,13	-3,55
24	-2,01	-1,87	-1,80	-4,09	-4,11	-3,58
30	-2,04	-1,85	-1,83	-4,13	-4,11	-3,64
TB	-1,99	-1,91	-1,79	-4,06	-4,11	-3,71

II.6.2. T ng ch a n c Pleistocene (qp)

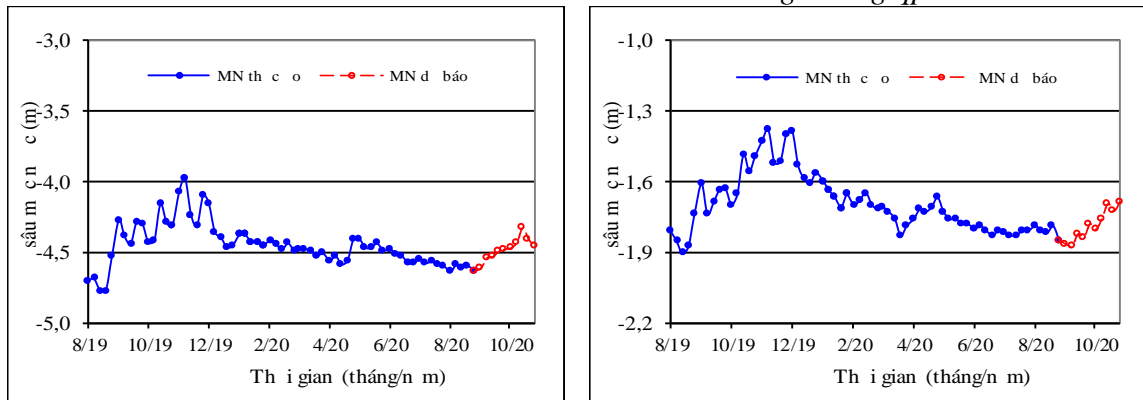
Trong ph m vi t nh, m c n c trung bình tháng 8 có xu th dâng h không áng k so v i tháng 7. Giá tr h th p nh t là 0,07m t i xã L c i n, huy n Phú L c (QT9-H).

M c n c trung bình tháng nông nh t là -0,22m t i xã Phú Xuân, huy n Phú Vang (QT3b-H) và sâu nh t là -4,61m t i xã Th y Bi u, TP.Hu (QT5-H).

D báo: Trong tháng 9 và tháng 10 m c n c có xu th dâng. Chi ti t di n bi n m c n c t i m t s i m c tr ng nh sau (xem hình 40 và b ng 20).



Hình 39. S di n bi n m c n c tháng 8 t ng q p



a) Xã Th y Bi u, TP. Hu (QT5-H)

b) Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6b-H)

Hình 40. D báo sâ m c n c t ng q p

Bảng 20. sâ m c n c t ng q p (m)

Ngày	Xã Th y Bi u, TP. Hu (QT5-H)			Xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang (QT6b-H)		
	M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo		M c n c th c o tháng 8	M c n c d báo	
		Tháng 9	Tháng 10		Tháng 9	Tháng 10
6	-4,64	-4,62	-4,47	-1,79	-1,87	-1,80
12	-4,59	-4,54	-4,44	-1,81	-1,88	-1,76
18	-4,61	-4,54	-4,33	-1,82	-1,82	-1,69
24	-4,60	-4,49	-4,41	-1,79	-1,84	-1,73
30	-4,64	-4,48	-4,46	-1,85	-1,78	-1,69
TB	-4,62	-4,53	-4,42	-1,81	-1,84	-1,73

Ng i biên so n b n tin: Mai Công Thanh - Phòng C nh báo, D báo TNN d i t

Ng i ki m tra: Hoàng Th Thu Hà - Phòng C nh báo, D báo TNN d i t